

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG



TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

SƠN DƯƠNG, THÁNG 06/2025



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 6 năm 2025

DANH MỤC TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025 BẰNG VĂN BẢN

I. Các quyết định, thông báo tổ chức Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
2. Thông báo chốt danh sách Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông.
3. Thông báo tổ chức Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản.
4. Quyết định thành lập Ban kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.

II. Các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2025.
2. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và kế hoạch tài chính năm 2025.
3. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2025.

III. Các tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông

1. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2024.
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.
3. Mức thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2025.
4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025.
5. Quyết toán Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang công suất 25MW.

IV. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG**

Số: 37 /QĐ-ĐSD-HĐQT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 bằng văn bản

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương;
Căn cứ Nghị quyết số 20 /NQ-ĐSD-HĐQT ngày 19 /5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 bằng văn bản của Công ty CP mía đường Sơn Dương gồm các ông, bà có tên sau:

- | | | |
|--------------------------|--------------------------|--------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Hội | - Chủ tịch HĐQT | - Trưởng ban |
| 2. Ông Nguyễn Hồng Minh | - TV HĐQT, Tổng giám đốc | - Phó ban |
| 3. Bà Trần Thị Lệ Châm | - TV HĐQT | - Thành viên |
| 4. Ông Nguyễn Tiến Thành | - Kế toán trưởng | - Thành viên |
| 5. Bà Phạm Thị Hiền | - PP. Kinh tế tổng hợp | - Thành viên |

Để Đại hội thành công và đạt kết quả cao, Ban tổ chức có thể huy động thêm CBCNV trong Công ty để phục vụ công tác tổ chức Đại hội.

Điều 2. Ban tổ chức đại hội có nhiệm vụ xây dựng các nội dung, soạn thảo các văn kiện trình Đại hội và gửi phiếu lấy ý kiến cùng các tài liệu kèm theo tới Cổ đông theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban, đơn vị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương và các ông, bà có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cổ đông của Công ty;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Lưu VT.



Nguyễn Văn Hội

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG**

Số: 22/TB-ĐSD-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sơn Dương, ngày 21 tháng 05 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025

Kính gửi: Quý cổ đông của Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 20 /NQ- ĐSD- HĐQT ngày 19/05/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương xin trân trọng thông báo về việc chốt danh sách cổ đông như sau:

1. Mục đích chốt danh sách cổ đông: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 bằng văn bản.

2. Thời gian chốt danh sách: 17 giờ ngày 02/06/2025

3. Thời gian dự kiến tổ chức Đại hội: Ngày 28/06/2025.

4. Thông báo tổ chức Đại hội, nội dung và tài liệu Đại hội: Được đăng tải trên website của Công ty và gửi đến cổ đông theo quy định.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, B.TGD;
- Niêm yết công khai tại Công ty;
- Đăng tải trên website của Công ty;
- Lưu VT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hội

THÔNG BÁO

V/v: Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 bằng văn bản

Kính gửi: Quý cổ đông của Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương

Căn cứ Nghị quyết số 20 /NQ-ĐSD-HĐQT ngày 19 /5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương xin trân trọng thông báo tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 bằng văn bản như sau:

1. Thời gian

1.1. Thời gian gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo: Ngày 08/6/2025.

1.2. Thời gian gửi phiếu trả lời các nội dung theo phiếu xin ý kiến về Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương (địa chỉ: Xã Hào Phú, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang) chậm nhất là 17h00' ngày 29/6/2025.

3. Nội dung Đại hội

3.1. Thông qua các báo cáo

- Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2025.
- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và kế hoạch tài chính năm 2025.
- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

3.2. Thông qua các tờ trình và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHCĐ

- Phương án phân chia lợi nhuận năm 2024.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.
- Mức thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2025.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025.
- Quyết toán Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang công suất 25MW.

4. Thành phần tham dự Đại hội

4.1. Tất cả các cổ đông của Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương tại thời điểm chốt danh sách ngày 02/6/2025.

4.2. Tài liệu Đại hội được đăng tải trên website của Công ty (www.sonsuco.com.vn) từ ngày 08/6/2025; Được niêm yết tại Công ty và gửi Cổ đông theo quy định.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, B.TGD Công ty;
- Niêm yết tại Công ty;
- Đăng tải trên website Công ty;
- Lưu VT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hội

Lưu ý: Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ: Bà Phạm Thị Hiền, Phó phòng Kinh tế tổng hợp - điện thoại: 0979 200 248.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG**
Số: 39 /QĐ-ĐSD-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tuyên Quang, ngày 06 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Thành lập Ban kiểm phiếu ĐHĐCĐ thường niên 2025 bằng văn bản

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương;
Căn cứ Nghị quyết số 20 /NQ-ĐSD-HĐQT ngày 19/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 bằng văn bản của Công ty CP mía đường Sơn Dương gồm các ông, bà sau:

- | | | |
|--------------------------|------------------------|--------------|
| 1. Ông Nguyễn Tiến Thành | - Kế toán trưởng | - Trưởng ban |
| 2. Ông Trương Công Dũng | - Trưởng phòng KT-KCS | - Thành viên |
| 3. Bà Phạm Thị Hiền | - PP. Kinh tế tổng hợp | - Thành viên |

Điều 2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

1. Thu thập các phiếu lấy ý kiến, tổng hợp và thực hiện kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.
2. Lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả kiểm phiếu.
3. Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và của Công ty trong việc kiểm phiếu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban, đơn vị Công ty CP mía đường Sơn Dương và các ông, bà có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cổ đông của Công ty;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Lưu VT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về kết quả hoạt động năm 2024; Triển khai kế hoạch, nhiệm vụ năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo quy định, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương trân trọng báo cáo Đại hội kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2025 như sau:

PHẦN I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

I. Đặc điểm tình hình

Năm 2024, Ngành mía đường tiếp tục khó khăn, Chính phủ, các bộ ngành và Hiệp hội mía đường Việt Nam tích cực đấu tranh phòng vệ thương mại, tuy nhiên tình trạng đường nhập lậu và gian lận thương mại vào thị trường Việt Nam còn nhiều; Vùng nguyên liệu mía phục hồi chậm; Con bão Yagi và điều kiện thời tiết khí hậu cực đoan đã ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng mía - thiếu nguyên liệu cho sản xuất. Mặt khác, các Ngân hàng tiếp tục tập trung thu nợ và không cho vay vốn dẫn đến Công ty đường Sơn Dương gặp rất nhiều khó khăn về tài chính và thực hiện nhiệm vụ hoạt động SXKD, kết quả tiếp tục thua lỗ.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024

Được sự hỗ trợ của Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần và các Công ty thành viên, nhất là hỗ trợ tài chính, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và chương trình, nhiệm vụ của Ban điều hành. Kết quả SXKD đạt được như sau:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch.

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		So sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH24/TH23	TH24/KH24
1	Giá trị SXCN	Tr.đồng	136.744	294.969	281.802	206,08	95,54
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	166.223	317.676	249.483	150,09	78,53
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	(113.733)	(55.155)	(58.103)	69,69	143,70
4	Nộp ngân sách NN	Tr.đồng	14.488	15.213	11.977	82,67	78,73
5	Thu nhập BQ LĐ (ng/th)	Tr.đồng	6.093	6.486	6.524	107,07	100,59

(Chi tiết phụ lục 1 kèm theo)

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Sản xuất nông nghiệp

Tiếp tục cải thiện công tác chuẩn bị sản xuất - bảo đảm các cân đối lớn cho sản xuất và thu hoạch; Tập trung tổ chức sản xuất và khôi phục diện tích vùng nguyên liệu theo tín hiệu thị trường, trong đó tiếp tục bổ sung chính sách hỗ trợ người trồng mía bị thiệt hại do thiên tai. Vụ 2023/2024, Công phát triển trồng mía được 800 ha cho diện tích thu hoạch vụ 2024/2025 đạt trên 2.525 ha, sản lượng mía đạt 151.605 tấn.

2.2. Chế biến công nghiệp

Tập trung chỉ huy, điều hành quyết liệt kế hoạch vụ sản xuất 2023/2024, trong đó tổ chức tốt công tác chuẩn bị vào vụ, công tác chế biến; Tiếp tục cải thiện công tác chỉ huy, điều

hành sản xuất thời vụ, coi trọng việc xây dựng hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật tiến bộ, quản lý và tác nghiệp sâu hơn; Tăng cường kiểm soát chặt tồn thất - nhiều chỉ tiêu kỹ thuật khá tốt; Triệt để tiết giảm, giảm giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Ngoài vụ sản xuất đường Công ty đã tập trung thu mua vỏ cây - khai thác năng lực sản xuất của Nhà máy điện, góp phần giảm lỗ từ sản xuất đường. Kết quả: Tổng số điện phát lên lưới trong năm 2024 là 11.832.240 Kw, tương ứng doanh thu là 20,183 tỷ đồng.

2.3. Kết quả tiêu thụ sản phẩm

Năm 2024 Chính phủ, các Bộ ngành đã tập trung đấu tranh phòng vệ thương mại để đối phó quyết liệt vấn nạn đường Thái Lan bán phá giá, nhập lậu và gian lận thương mại vào Việt Nam, tình hình thị trường đường trong nước chuyển biến khá tích cực, giá bán đường tăng, tiêu thụ thuận lợi hơn.

2.4. Công tác quản trị doanh nghiệp

Tập trung sắp xếp lại tổ chức bộ máy triệt để tinh gọn, thực hiện chế độ kiêm nhiệm, kiêm việc - đặc biệt thời gian ngoài vụ để giảm tối đa chi phí tiền lương và các khoản theo lương; Thực hiện giao khoán nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch tới từng tập thể, từng cá nhân. Tổ chức tốt công tác quản lý kỹ thuật, quản lý chất lượng sản phẩm và đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất, hiệu suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công tác sửa chữa lớn được thực hiện căn cơ, tiết kiệm, bảo đảm chất lượng, bảo đảm an toàn sản xuất, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm và vệ sinh công nghiệp.

2.5. Công tác quản lý tài chính

Chủ động cân đối vốn cho sản xuất bằng ứng trước tiền hàng từ Tổng công ty mía đường I và các Công ty thành viên của TCT và từ 1 số cổ đông khác; Tăng cường quản lý chặt tài sản, vốn, tiền - hàng và công nợ; Quyết liệt thu hồi đầu tư vùng nguyên liệu; Kiểm soát mua sắm, tồn kho, chỉ tiêu triệt để tiết kiệm, ...; Thực hiện kiểm toán tài chính theo quy định.

Sau nhiều năm thua lỗ, tình hình tài chính của Công ty cực kỳ khó khăn, mặc dù được sự giúp đỡ của cổ đông lớn - Tổng công ty mía đường I và các Công ty thành viên, giá bán đường có tăng, nhưng Công ty cũng chỉ cân đối ưu tiên trả được tiền mía, tiền vận chuyển, tiền lương, các chế độ cho người lao động và nộp bảo hiểm. Còn lại vẫn không cân đối được nguồn để trả kịp thời tiền mua vật tư (toàn bộ tiền mua vật tư trong năm đều chưa thanh toán được cho Tổng công ty và các đơn vị trong Tổng công ty), nộp Ngân sách nhà nước theo quy định, ... và trả nợ các ngân hàng theo cam kết.

3. Phối hợp hệ thống chính trị địa phương tỉnh Tuyên Quang

Công ty chủ động xây dựng kế hoạch phát triển diện tích 2023/2024 và báo cáo UBND tỉnh Tuyên Quang đề nghị giúp đỡ, hỗ trợ Công ty trong giai đoạn khó khăn, tích cực làm việc với Ban chỉ đạo mía các cấp để khôi phục vùng nguyên liệu mía của Công ty.

II. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành

1. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

1.1. HĐQT chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành tập trung kiểm soát quá trình và điều hành thời vụ, kiểm soát chặt tồn thất và chất lượng sản phẩm; Đổi mới phương thức quản trị SXKD phù hợp tình hình khó khăn của Công ty; Chú trọng cải thiện và tăng cường chính sách đầu tư phát triển nguyên liệu; Quyết liệt tổ chức lại bộ máy tinh gọn và tinh giảm tối đa nhân lực phù hợp thời vụ sản xuất; Kiểm soát chặt chỉ tiêu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh; Thực hiện tiết giảm sâu và giảm giá thành sản phẩm.

Năm 2024, Chủ tịch HĐQT và thường trực HĐQT thường xuyên làm việc với Ban điều hành. Các quyết nghị và chỉ đạo của HĐQT được BĐH nghiêm túc thực hiện. Các cuộc họp của HĐQT được chuẩn bị chu đáo; Các quyết nghị, chỉ thị của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên.

1.2. Đánh giá sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Tài liệu của Hội đồng quản trị phát hành được gửi tới Ban kiểm soát theo đúng quy định. Các cuộc họp HĐQT (trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản) đều mời BKS tham dự.

HĐQT thường xuyên trao đổi với Ban kiểm soát để chủ động giám sát, đánh giá và đưa ra các quyết nghị, nhằm bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và hữu hiệu nhất.

1.3. Thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT

Thù lao Hội đồng quản trị và BKS theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024 là 215,750 triệu đồng. Tuy nhiên do khó khăn nên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tiếp tục chưa nhận thù lao trong năm 2024 để tập trung mọi nguồn lực ưu tiên cho sản xuất kinh doanh.

2. Đánh giá công tác điều hành của Tổng giám đốc và Ban điều hành

Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty đã quyết liệt thực hiện các quyết nghị của ĐHĐCĐ; Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Các, khuyến nghị của BKS; Nhiệm vụ và chương trình công tác của Ban điều hành; Đã cơ bản tuân thủ các quy định của Nhà nước, điều lệ và quy chế của Công ty.

III. Tồn tại, hạn chế

1. Sản xuất mía nguyên liệu: Phục hồi vùng nguyên liệu còn chậm - *nguyên nhân chủ yếu* do tình hình tài chính khó khăn, ngân hàng chỉ thu nợ mà không cho vay vốn, thiếu vốn để thanh toán kịp thời cho người trồng mía và dịch vụ tại địa phương - dẫn đến kết quả đầu tư phát triển vùng nguyên liệu còn hạn chế - sản lượng mía chưa đủ đáp ứng công suất của 1 nhà máy; Nhà máy II vẫn phải tạm ngừng sản xuất đường.

2. Sản xuất chế biến: Tiêu hao mía/ đường cao hơn so với năm trước và so với kế hoạch. *Nguyên nhân chủ yếu* do chất lượng mía nguyên liệu bị ảnh hưởng của hiện tượng El Nino, đến tháng 5/2023 trên vùng nguyên liệu mới có mưa nên mía nguyên liệu phát triển chậm; Và máy móc thiết bị bị hư hỏng nhiều - ảnh hưởng đến hiệu suất tổng thu hồi.

3. Nhà máy điện vẫn chưa phát huy được phần lớn công suất, do nguồn nguyên liệu bã mía ít và thu mua vỏ cây chưa đáp ứng đủ yêu cầu do không cân đối được tài chính.

4. Năng lực đội ngũ quản trị ở các cấp quản lý còn hạn chế, năng suất lao động và hiệu suất công tác chưa cao.

5. Tình hình tài chính vẫn cực kỳ khó khăn, các ngân hàng đều tập trung thu nợ và không cho vay - Công ty luôn trong tình trạng thiếu vốn, không có tiền để trả kịp thời tiền vận chuyển, tiền mua vật tư phục vụ sản xuất, trả nợ Ngân hàng và nộp thuế theo quy định. Đặc biệt không cân đối được tiền để thu mua vỏ cây sản xuất điện ngoài vụ, thực tế nếu nguyên liệu chạy nhà máy điện đáp ứng đủ công suất thì sẽ đem lại hiệu quả cao từ phát điện.

PHẦN II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025

1. Một số dự báo

- Trong báo cáo “Tình hình Kinh tế Thế giới và Triển vọng 2025”, LHQ đã đưa ra dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu duy trì ở mức 2,8% vào năm 2025, không thay đổi so với năm 2024 do những thách thức như xung đột leo thang, thương mại toàn cầu yếu, lãi suất cao và các thảm họa khí hậu gia tăng.

- Theo báo cáo của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tăng trưởng 6,8% trong năm 2025 và ổn định ở mức 6,5% trong năm 2026. Tuy nhiên, rủi ro từ tốc độ phục hồi kinh tế chậm ở các nước là đối tác thương mại lớn của Việt Nam, những bất ổn địa chính trị toàn cầu và các hạn chế mang tính cơ cấu của kinh tế trong nước có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng này.

- Ngành mía đường trong niên vụ tới sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là về giá cả và cạnh tranh. Giá đường thế giới dự kiến sẽ duy trì ở mức cao do thâm hụt nguồn cung; Giá đường trong nước tiếp tục chịu áp lực giảm do lượng tồn kho lớn và cạnh tranh gay gắt. Thời gian được áp dụng các biện pháp phòng hộ thương mại sắp hết - rủi ro đường nhập lậu và gian lận thương mại sẽ quay trở lại nếu không sớm có các biện pháp phòng hộ quyết liệt.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Stt	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	So sánh
1	Sản xuất nông nghiệp				
-	Diện tích	Ha	2.213	2.650	119,75%
-	Năng suất (cả mía giống)	Tấn/ha	61,29	61,10	99,69%
-	Sản lượng mía sạch	Tấn	126.213	148.817	117,91%
2	Chế biến công nghiệp				
2.1	Giá trị SXCN	Triệu đồng	281.802	339.301	120,40%
2.2	Sản lượng sản xuất				
-	Đường	Tấn	12.217	16.500	135,06%
-	Mật ri	Tấn	4.831	5.655	117,06%
-	Phân bón	Tấn	7.193	7.500	104,27%
-	Điện phát lên lưới	1.000 kW	11.832	19.440	164,30%
3	Kết quả kinh doanh				
-	Tổng doanh thu	Triệu đồng	249.483	371.502	148,91%
-	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(58.103)	(33.099)	
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	11.977	20.306	169,54%
5	Cổ tức	%	0	0	
6	Thu nhập BQ LĐ	Đồng/ng/th	6.524.000	6.700.000	102,70%

(Chi tiết phụ lục số 1 kèm theo)

III. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

1. Sản xuất nông nghiệp

1.1. Đầu tư đồng bộ, toàn diện để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản xuất mía nguyên liệu, giảm tổn thất sau thu hoạch - trọng tâm là:

- Phát triển chuỗi sản xuất mía đường và kinh tế hợp tác. Tổ chức liên kết chuỗi sản xuất khép kín. Tiếp tục hoàn thiện bộ chính sách đầu tư phát triển mía nguyên liệu giai đoạn 2025 - 2030. Thực hiện đầu tư tiết kiệm - góp phần giảm chi phí, tổn thất, nâng cao hiệu quả sản xuất mía nguyên liệu, tăng thu nhập của người trồng mía và doanh nghiệp.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch vùng nguyên liệu mía tập trung, lợi thế chuyên canh cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025- 2030 trên 7.000 ha - trọng tâm thực hiện dồn điền, tích tụ ruộng đất - xây dựng "cánh đồng mía lớn", giảm dần diện tích mía đồi cao, tăng diện tích mía ruộng thấp và có tưới.

- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, tạo đột phá về giống, cơ giới hoá, phân bón, tưới tiêu ... và bảo vệ thực vật. Đẩy mạnh thực hiện các mô hình thâm canh tăng năng suất - nhân nhanh, nhân rộng những mô hình đánh giá có hiệu quả, như: Mô hình cánh đồng mía lớn; Mô hình cánh đồng 100 tấn/ha; Mô hình đầu tư tiết kiệm; ... và mô hình giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ sản xuất mía nguyên liệu (giống, làm đất, phân bón, bảo vệ thực vật, ... và vận chuyển).

1.2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người sản xuất và dịch vụ

- Hướng dẫn thực hiện quy trình kỹ thuật và chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đến hộ trồng mía, hộ dịch vụ. Tổ chức hội nghị, hội thảo định kỳ chuyên đề và hội nghị đầu bờ.

- Tranh thủ truyền thông (truyền hình, truyền thanh, hệ thống thông tin (điện thoại di động, Facebook, Zalo) và tờ rơi) để vận động người dân tham gia phát triển mạnh vùng nguyên liệu. Trong đó chuyển đổi cây trồng và ruộng lúa 1 vụ, 2 vụ hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả. Dồn điền, đổi thửa, khuyến khích thuê đất - xây dựng vùng sản xuất quy mô lớn, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất theo chuỗi sản phẩm.

- Tổ chức Hội nghị tổng kết, tuyên dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân điển hình tốt trong công tác sản xuất mía nguyên liệu và sản xuất chế biến đường.

1.3. Tiếp tục thực hiện và nâng cấp phần mềm quản lý đầu tư nguyên liệu mía từ hồ trồng mía đến nhà máy chặt chẽ, hiệu quả hơn.

2. Sản xuất chế biến công nghiệp

2.1. Tập trung cải thiện các chỉ tiêu chế biến, nâng cao năng suất và hiệu suất thu hồi - trọng tâm là:

- Thực hiện đầu tư, sửa chữa căn cơ, tiết kiệm - ưu tiên đầu tư cải thiện chỉ tiêu chế biến, tiết kiệm năng lượng, giảm tổn thất, tăng thu hồi ... và bảo đảm chất lượng sản phẩm.

- Đổi mới công tác tổ chức quản lý công tác sửa chữa lớn, quản lý kỹ thuật và đổi mới công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, nâng cao hiệu quả tổng hợp sản xuất chế biến công nghiệp.

2.2. Tổ chức sản xuất phân bón: Tổ chức lại sản xuất phân vi sinh theo hướng nâng cao năng lực sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm và hạ giá thành sản phẩm.

2.3. Tổ chức sản xuất điện sinh khối: Cân đối tài chính, ưu tiên thu mua vỏ cây để tổ chức sản xuất điện ngoài vụ phát huy tối đa công suất để đem lại hiệu quả cao hơn.

3. Phát triển thị trường và tiêu thụ sản phẩm

- Tăng cường công tác dự báo, lựa chọn khách hàng, bảo đảm an toàn sản xuất, cân đối kịp thời vốn sản xuất.

- Tổ chức lại hệ thống khách hàng, đổi mới công tác bán hàng hiệu quả. Cân đối chặt chẽ, bán chắc - bảo đảm tồn kho hợp lý, an toàn và hiệu quả sản xuất.

4. Cơ cấu lại tài chính và vốn

- Xây phương án tái cơ cấu tài chính giai đoạn 2025-2030 để sớm cải thiện năng lực tài chính thực hiện mục tiêu đề án chiến lược phát triển và tái cơ cấu Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương giai đoạn 2025 – 2030.

- Tăng cường sự hỗ trợ từ các nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước. Huy động đa dạng nguồn vốn để chủ động đáp ứng nhu cầu vốn SXKD và dự án đầu tư phát triển được phê duyệt.

- Tăng vòng quay hàng tồn kho; Tăng vòng quay khoản phải thu khách hàng, quản lý chặt chẽ công nợ phải thu, ... và rà soát, thanh lý, chuyển nhượng tài sản không có hiệu quả, không có nhu cầu sử dụng.

- Tăng cường giám sát các mặt trọng yếu như tiền, hàng, đầu tư mua sắm, chính sách đầu tư, chi phí quản lý, bán hàng, cắt giảm chi phí, ... và kiểm soát rủi ro.

5. Quản lý kỹ thuật và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật

5.1. Công tác quản lý kỹ thuật: Tập trung quản lý kỹ thuật, quản lý thiết bị, quản lý môi trường, quản lý an toàn và phòng chống cháy nổ; Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hồ sơ quản lý thiết bị, quản lý kỹ thuật, quy trình công nghệ và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, sáng kiến cải tiến. Hoàn thiện bộ quy chuẩn sản xuất mía nguyên liệu, giống mía và chế biến công nghiệp; Duy trì và củng cố quản lý theo phương pháp 5S; Xây dựng và giám sát chặt chẽ sản xuất chế biến và định mức kinh tế - kỹ thuật tiến bộ hơn.

5.2. Công tác ứng dụng tiến bộ kỹ thuật: Đẩy mạnh thực hiện mô hình cánh đồng mía lớn, mô hình thâm canh tăng năng suất, mô hình đầu tư tiết kiệm ... và mô hình giảm tổn thất sau thu hoạch; Chú trọng phát triển giống, cơ giới hoá, phân bón, tưới tiêu ... và bảo vệ thực vật; Sử dụng công nghệ AI trong công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp.

6. Nâng cao năng lực quản trị DN theo hướng "căn cơ, chặt chẽ, hiệu quả" - trọng tâm là:

6.1. Thực hiện đồng bộ các giải pháp từ đổi mới công tác xây dựng kế hoạch vụ ép và chuẩn bị sản xuất đến chỉ đạo và điều hành sản xuất vụ ép khoa học, chặt chẽ và ổn định cao.

6.2. Thực hiện quản trị quá trình chuyển đổi hiệu quả - tăng nhanh, tăng vững chắc năng lực quản trị doanh nghiệp, quản trị SXKD và các nguồn lực của Công ty. Hoàn thiện bộ quy chuẩn sản xuất mía đường, bộ chính sách đầu tư phát triển nguyên liệu mía và chính sách phát triển nguồn nhân lực lâu dài, ổn định.

6.3. Triển khai sâu, đồng bộ và hiệu quả hệ thống chỉ huy, điều hành và tác nghiệp thời vụ - từ công tác chuẩn bị sản xuất, chế biến, đến tiêu thụ sản phẩm - bảo đảm sản xuất liên tục, ổn định, cân bằng, an toàn và kiểm soát chặt chẽ tổn thất để đem lại hiệu quả SXKD cao nhất.

6.4. Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương và thực hiện giao khoán sâu nhiệm vụ, tiền lương tới từng Phòng ban, Phân xưởng và từng vị trí công tác.

6.5. Thực hiện chương trình nâng cao năng suất lao động, tiết giảm sâu để giảm nhanh giá thành sản phẩm.

7. Phát triển nguồn nhân lực

- Quy hoạch, tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có kiến thức, năng động, bản lĩnh; Đội ngũ kinh doanh giỏi; Đội ngũ cán bộ nguyên liệu, cán bộ khuyến nông, nông dân nông cốt làm chủ được đồng ruộng; Đội ngũ chế biến đường giỏi nghề, làm chủ được thiết bị công nghệ.

- Tăng cường thực hiện chế độ hợp tác chuyên gia ở các lĩnh vực quan trọng.

8. Chăm lo đời sống, việc làm và thu nhập người lao động. Thực hiện văn hóa công sở và khuyến khích, tôn vinh tập thể, cá nhân làm giỏi, làm tốt, hiệu quả cao.

9. Phối hợp với Chính quyền địa phương các cấp, Hiệp hội mía đường Việt Nam

- Đề nghị Ban chỉ đạo mía đường tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo Sở, ban, ngành và chính quyền địa phương có vùng nguyên liệu tập trung chỉ đạo, hỗ trợ phát triển diện tích, tổ chức sản xuất mía nguyên liệu; Cùng cố và kiện toàn lại Ban chỉ đạo mía các cấp sau khi sáp nhập.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và môi trường chuẩn bị nội dung và tài liệu tổ chức họp định kỳ quý để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển diện tích, thu hoạch, vận chuyển mía, báo cáo tổng kết vụ ép và xây dựng kế hoạch cho vụ ép tiếp theo.

IV. Tổ chức thực hiện

Mỗi cấp quản lý, điều hành từ Hội đồng quản trị đến Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, đơn vị nỗ lực nhiều hơn, tốc độ nhanh hơn, đồng bộ hơn để tổ chức chuẩn bị và tổ chức quản lý điều hành, điều độ, tổ chức đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, xây dựng chương trình, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp hữu hiệu và kế hoạch tác nghiệp sâu.

HĐQT Công ty tin tưởng rằng, với những kinh nghiệm và sự quyết liệt, sát sao, trách nhiệm đến cùng của HĐQT, BĐH; Sự nỗ lực cố gắng của tập thể CBCNV Công ty cùng với sự hỗ trợ giúp đỡ của chính quyền địa phương các cấp, của cổ đông lớn Tổng công ty mía đường I và một số cổ đông khác. Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương sẽ vượt qua được những khó khăn, dần ổn định và phát triển, hoàn thành tốt các mục tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 của Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024; Kế hoạch, nhiệm vụ SXKD năm 2025. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cùng Ban Tổng giám đốc tập trung điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động SXKD, triển khai thực hiện nhiệm vụ và giải pháp thực hiện.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông dự ĐH;
- HĐQT, BKS, BTGD Công ty;
- Niêm yết tại Công ty;
- Đăng tải trên website của Công ty;
- Lưu VT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hội

(Kèm theo báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương về kết quả SXKD năm 2024; Phương hướng nhiệm vụ năm 2025)

Stt	Chi tiêu	ĐVT	TH năm 2023	Năm 2024		KH năm 2025	So sánh (%)		
				Kế hoạch	Thực hiện		TH 24/TH23	TH 2024/ KH 2024	KH 25/TH24
1	Giá trị TSL	Tr.đ	136,744	294,969	281,802	339,301	206.08%	95.54%	120.40%
2	Sản xuất nông nghiệp								
-	Diện tích	Ha	1,188	2,065	2,213	2,650	186.24%	107.16%	119.75%
-	Năng suất (cả mía giống)	Tấn/ha	51.42	64.06	61.29	61.10	119.20%	95.68%	99.68%
-	Sản lượng mía qua cân	Tấn	61,096	122,585	128,771	151,900	210.77%	105.05%	117.96%
-	Sản lượng mía sạch	Tấn	59,999	120,440	126,213	148,817	210.36%	104.79%	117.91%
-	Tiêu hao mía/đường	M/Đ	9.50	10.20	10.33	9.02	108.76%	101.29%	87.30%
3	Sản phẩm SX công nghiệp								
-	Đường trắng	Tấn	6,316	11,808	12,217	16,500	193.41%	103.46%	135.06%
-	Mật ri	Tấn	2,330	4,577	4,831	5,655	207.32%	105.55%	117.07%
-	Phân bón	Tấn	4,800	6,130	7,193	7,500	149.88%	117.35%	104.26%
-	Điện	1.000kw	10,574	26,304	11,832	19,440	111.90%	44.98%	164.30%
4	Sản phẩm tiêu thụ								
-	Đường trắng	Tấn	7,441	11,808	9,660	16,500	129.82%	81.81%	170.80%
-	Mật ri	Tấn	2,580	4,577	3,799	5,655	147.25%	83.01%	148.86%
-	Phân bón	Tấn	4,809	6,130	5,896	7,500	122.61%	96.18%	127.21%
-	Điện năng phát lên lưới	1.000kw	8,132	26,304	11,832	19,440	145.50%	44.98%	164.30%
5	Giá bán đường BQ cả thuế	đ/kg	17,067	20,500	20,395	17,905	119.50%	99.49%	87.79%
6	Tổng doanh thu	Tr.đ	166,223	317,676	249,483	371,502	150.09%	78.53%	148.91%
7	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	14,488	15,213	11,977	20,306	82.67%	78.73%	169.54%
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	(113,733)	(55,155)	(58,103)	(33,099)	51.09%	105.35%	56.97%
9	Thu nhập bình quân	N.Đ/ng/th	6,093	6,486	6,524	6,700	107.07%	100.59%	102.70%



Phụ lục 02:

**TỔNG HỢP THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**

(Kèm theo báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương
về kết quả SXKD năm 2024; Phương hướng nhiệm vụ năm 2025)

Stt	Họ và tên	Chức danh		Từ tháng 1 đến tháng 5	Từ tháng 6 đến tháng 12	Cộng
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			77,500,000	84,000,000	161,500,000
1	NGUYỄN VĂN HỘI	Chủ tịch HĐQT		25,000,000	35,000,000	60,000,000
2	TRẦN THỊ LỆ CHÂM	Thành viên HĐQT		17,500,000	24,500,000	42,000,000
3	NGUYỄN HỮU THANH	Thành viên HĐQT		17,500,000		17,500,000
4	NGUYỄN HỒNG MINH	Thành viên HĐQT		17,500,000	24,500,000	42,000,000
II	BAN KIỂM SOÁT			17,500,000	36,750,000	54,250,000
1	NGUYỄN PHÚ CUỒNG	Trưởng BKS		17,500,000	24,500,000	42,000,000
2	VĂN THỊ QUỲNH NGA	Thành viên BKS			12,250,000	12,250,000
	TỔNG CỘNG			95,000,000	120,750,000	215,750,000

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG

Số: 42 /BC-ĐSD-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương;
Căn cứ Nghị quyết số 20 /NQ-ĐSD-HĐQT ngày 19 /5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương trân trọng báo cáo trước Đại hội về Báo cáo tài chính năm 2024 đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC kiểm toán và Ban kiểm soát Công ty thẩm định; Kế hoạch tài chính năm 2025 của Công ty như sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

1.1. Tài sản, nguồn vốn

(Đơn vị tính: đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Tại thời điểm 01/01/2024	Tại thời điểm 31/12/2024
	Tài sản	630.542.831.787	639.212.676.835
I	Tài sản ngắn hạn	89.189.442.441	157.332.217.963
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	854.400.162	18.076.115.631
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	68.093.376.006	67.203.891.424
3	Hàng tồn kho	20.241.666.273	72.052.210.908
II	Tài sản dài hạn	541.353.389.364	481.880.458.872
1	Tài sản cố định hữu hình	527.856.541.435	467.987.833.549
2	Tài sản cố định vô hình	6.522.693.067	6.365.721.735
3	Tài sản dở dang dài hạn	4.274.154.844	4.886.903.588
4	Tài sản dài hạn khác	2.700.000.000	2.640.000.000
	Nguồn vốn	630.542.831.787	639.212.676.835
I	Nợ phải trả	808.463.456.241	875.236.220.783
1	Nợ ngắn hạn	669.800.456.241	751.381.220.783
2	Nợ dài hạn	138.663.000.000	123.855.000.000
II	Vốn chủ sở hữu	(177.920.624.454)	(236.023.543.948)
1	Vốn chủ sở hữu	(177.938.136.254)	(236.041.055.748)
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	17.511.800	17.511.800

1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu : 250.532.274.648 đồng
- Tổng chi phí : 308.635.194.142 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : (58.102.919.494) đồng
- Thuế TNDN phải nộp : 0 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : (58.102.919.494) đồng

2. Kế hoạch tài chính năm 2025

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

Stt	Khoản mục	Số tiền
I	PHẦN THU	351.853.343
1	Thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa	351.678.343
-	Đường trắng	298.509.295
-	Mật rỉ	17.288.251
-	Điện	35.880.797
2	Thu nợ đầu tư cho vay mua ô tô, máy cày	175.000
II	PHẦN CHI	369.638.315
1	Trả nợ gốc vay các Ngân hàng	37.044.000
-	Ngân hàng nông nghiệp	3.834.000
-	Ngân hàng công thương	8.154.000
-	Ngân hàng đầu tư	15.012.000
-	Ngân hàng phát triển	10.044.000
2	Trả lãi vay	2.903.039
-	Ngân hàng phát triển	2.903.039
3	Tiền lương, ăn ca	27.351.628
-	Tiền lương sản xuất đường	16.119.819
-	Tiền lương sản xuất phân bón	2.475.000
-	Tiền lương khối nguyên liệu	3.561.808
-	Tiền lương sản xuất điện	2.255.040
-	Tiền lương sửa chữa	1.680.000
-	Ăn ca	1.059.960
-	Trợ cấp thôi việc	200.000
4	Trả tiền mua vật tư, hàng hoá	79.153.990
-	Trả tiền mua NPK, thuốc bảo vệ thực vật	10.211.250
-	Trả tiền mua vật tư phục vụ sửa chữa, sản xuất	20.628.359
-	Trả tiền mua vật tư sản xuất phân bón	27.381.650
-	Chi phí sản xuất chung nhà máy điện	3.968.431
-	Trả tiền mua vỏ cây, bìa rác nhà máy điện	15.163.200
-	Trả tiền điện	884.350
-	Bốc xếp đường	916.750
5	Bảo hiểm các loại	2.485.304
6	Nộp thuế các loại	20.306.049
-	Thuế GTGT phát sinh	20.004.049
-	Tiền thuê đất năm 2023, môn bài, nộp khác	252.000
-	Thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất phi nn	50.000
7	Chi phí nguyên liệu	199.694.305
-	Tiền cước vận chuyển	20.073.475
-	Tiền mía nguyên liệu (đã trừ nợ đầu tư)	164.182.155
-	Tiền mía giống	9.300.000
-	Tiền cây đất	3.000.000
-	Dịch vụ đầu tẩn, đầu ha	991.450
-	Sửa đường vận chuyển	220.000

Stt	Khoản mục	Số tiền
-	Chi phí hội nghị, học tập kỹ thuật ...	200.000
-	Chi phí khác (di chuyển máy cày, vét mía)	700.000
-	Tiền cước vận chuyển, cấp phát phân bón	1.027.225
8	Chi phí thường xuyên	700.000
III	CÂN ĐỐI	
1	Tiền đầu kỳ	18.076.116
2	Phần thu (I)	351.853.343
3	Phần chi (II)	369.638.315
4	Tiền cuối kỳ (1+2-3) {thừa (+) ; thiếu (-)}	291.144

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- HĐQT, BKS, B.TGĐ Công ty;
- Niêm yết tại Công ty;
- Đăng tải trên website của Công ty;
- Lưu VT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hội

BÁO CÁO

**V/v: Kết quả hoạt động năm 2024, Kế hoạch,
nhiệm vụ năm 2025**

Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của BKS được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty CP mía đường Sơn Dương, quy chế hoạt động của BKS, BKS Công ty xin báo cáo kết quả Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty năm 2024 và kế hoạch kiểm soát năm 2025

A. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024:

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra và giám sát các mặt hoạt động của Công ty; Giám sát việc tuân thủ theo các nội dung của điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, các quy chế quy định của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan; Giám sát việc khắc phục những tồn tại và giải quyết các kiến nghị của Ban kiểm soát và các đơn vị kiểm tra. Đại diện Ban kiểm soát tham gia vào các cuộc họp của HĐQT Công ty và tham gia đóng góp ý kiến vào các nội dung thông qua tại các kỳ họp và các mặt hoạt động quản lý của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát thường xuyên liên lạc với nhau trực tiếp để trao đổi các công việc, xử lý các ý kiến cổ đông, tiếp thu các ý kiến đóng góp của cổ đông và nắm bắt tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty.

Trưởng ban kiểm soát là ông Nguyễn Phú Cường.

B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT NĂM 2024.

I. Kết quả giám sát đối với công tác quản lý của HĐQT, công tác điều hành của Ban điều hành và cán bộ quản lý:

- HĐQT đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế nội bộ của Công ty. HĐQT đã chỉ đạo sát sao quyết liệt, hỗ trợ Ban điều hành trên tất cả các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024, trong đó tập trung chỉ đạo, giám sát BDH trong việc đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển sản xuất kinh doanh theo hướng cải thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, đã thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các Nghị quyết ĐHĐCĐ giao.

- Ban điều hành của Công ty đã bám sát và triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, chủ trương, quyết định của HĐQT. Đã tập trung điều hành sản xuất linh hoạt, kịp thời, hết sức nỗ lực, tập trung các nguồn lực, chủ động đối phó với các khó khăn, thách thức. Hoạt động SXKD năm 2024 của ngành đường Việt Nam đang có dấu hiệu phục hồi tốt, tuy nhiên đối với Công ty CP mía đường Sơn Dương lại có rất nhiều khó khăn do diện tích và sản lượng mía đạt rất thấp do ảnh hưởng của các năm trước để lại. Hầu hết các chỉ tiêu quan trọng đều thực hiện không đạt so với nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm.

- Hoạt động của HĐQT và Ban điều hành cơ bản đã tuân thủ theo quy định của pháp luật Nhà nước và điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, chấp hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ và thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết và quyết định của HĐQT.

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Công ty:

1. Kết quả giám sát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT

HĐQT đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết ĐHĐCĐ giao. Ban điều hành đã triển khai quyết liệt các Nghị quyết của HĐQT, kết quả thể hiện trên các mặt hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

1.1. Kết quả giám sát thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD:

Năm 2024 Chính phủ, các Bộ, ban ngành, Hiệp hội mía đường tiếp tục đấu tranh phòng vệ thương mại để ngăn chặn đường nhập vào thị trường Việt Nam cạnh tranh không công bằng với đường trong nước, tình hình thị trường đường trong nước 2024 chuyển biến khá tích cực, giá bán đường tăng.

Mặt khác do ảnh hưởng của cơn bão số 3 và hoàn lưu sau bão cùng với điều kiện thời tiết khí hậu cực đoan ảnh hưởng lớn đến quá trình sinh trưởng và phát triển của cây mía, năng suất giảm.

Tuy nhiên sản lượng thấp - sản xuất không đủ bù đắp chi phí, các Ngân hàng tiếp tục tập trung thu nợ và không cho vay vốn dẫn đến Công ty gặp rất nhiều khó khăn về tài chính và thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, sản xuất kinh doanh tiếp tục thua lỗ.

Tổng công ty mía đường I - CTCP, các Công ty thành viên đã hợp tác và hỗ trợ tài chính bằng việc ứng trước tiền mua hàng vào các thời điểm. Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương đã nỗ lực vượt khó khăn, triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các chỉ thị, nghị quyết của HĐQT. Kết quả đạt được như sau:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu 2024:

- Giá trị tổng sản lượng đạt 136,7 tỷ đồng; tăng 206,08 % so với năm 2023.
- Doanh thu đạt 166,2 tỷ đồng, tăng 150,01% so với năm 2023.
- Nộp ngân sách nhà nước đạt 11,9 tỷ đồng,
- Lợi nhuận trước thuế, lỗ 79,2 tỷ đồng, giảm lỗ 34,5 tỷ đồng so với năm 2023.
- Thu nhập BQ người lao động đạt 6,52 triệu đồng/người/tháng

1.2 Kết quả giám sát công tác sản xuất nông nghiệp

Do ảnh hưởng chung của ngành mía đường từ các năm trước nên diện tích mía đã sụt giảm rất nhiều, Công ty đã tập trung tổ chức sản xuất và khôi phục diện tích vùng nguyên liệu, trong đó tiếp tục bổ sung chính sách hỗ trợ người trồng mía, giữ ổn định giá mua mía. Vụ 2023/2024, Công ty phát triển trồng mía được 800 ha cho diện tích thu hoạch vụ 2024/2025 đạt trên 2.525 ha, sản lượng mía đạt 151.605 tấn

1.3. Kết quả giám sát công tác sản xuất và chế biến công nghiệp:

HĐQT đã chỉ đạo và giám sát chặt chẽ phương án vào vụ, phương án sản phẩm; định mức KTKT; Tổ chức lại công tác chế biến và đổi mới công tác chuẩn bị sản xuất; cân đối bố trí sản xuất mía tại 01 nhà máy để phát huy công suất, tiết giảm chi phí. Kết quả điều hành sản xuất khá hiệu quả, duy trì ổn định công suất ép và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật. Trong quá trình sản xuất xử lý và giải quyết một cách nhanh chóng các vấn đề sản xuất, các sự cố - bảo đảm vận hành, thao tác thiết bị an toàn, ổn định và cân bằng giữa các công đoạn trên dây chuyền sản xuất đảm bảo sản xuất và chất lượng ổn định.

Ngoài vụ sản xuất mía Công ty đã tập trung thu mua vỏ cây - khai thác năng lực sản xuất của Nhà máy điện, góp phần giảm lỗ từ sản xuất đường. Kết quả: Tổng số điện phát lên lưới trong năm 2024 là 11.832.240 Kw, tương ứng doanh thu là 20,183 tỷ đồng.

1.4. Kết quả giám sát công tác sửa chữa máy móc, thiết bị:

Hàng năm, Công ty thực hiện chủ trương tiết giảm chi phí trong điều kiện kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, Công ty đã tiến hành sửa chữa có trọng tâm, tập chung vào các thiết bị chính yếu, vừa tiết kiệm chi phí mà vẫn đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả.

1.5 Kết quả thẩm tra báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm của Công ty đều được các công ty kiểm toán tiến hành kiểm toán. Hằng năm ban kiểm soát cũng đã tiến hành thẩm tra báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát cơ bản thống nhất với tình hình tài chính của Công ty; Xét trên các phương diện trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty qua các năm, các báo cáo được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

+ Công ty đã chấp hành chế độ quản lý vốn và tài sản, các chế độ về quản lý tài chính theo đúng quy định của Nhà nước. Công ty đã chủ động cân đối vốn hợp lý, linh hoạt, kịp thời cho sản xuất và kinh doanh, thanh toán kịp thời các khoản nộp ngân sách.

+ Công ty đã sử dụng phần mềm kế toán; Hệ thống chứng từ sổ sách rõ ràng.

+ Định kỳ hàng năm, Công ty thực hiện tốt công tác tổ chức kiểm kê, đánh giá phân loại chất lượng nguyên vật liệu tồn kho để đưa ra những xử lý kịp thời, hiệu quả. BKS nhận thấy không có sự sai lệch giữa thực tế và sổ sách.

2. Đánh giá tình hình tài chính của Công ty qua các năm

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Năm 2023	Năm 2024	So sánh tăng/giảm
I	Chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	0.13	0.29	0.16
2	Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0.10	0.11	0.01
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	1,28	1.36	0.08
2	Hệ số vốn CSH/Tổng nguồn vốn	-0.28	-0.36	-0.08
III	Chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lời			
1	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	-	-	
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	-	-	
3	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (%)	-	-	

Nhận xét:

Về khả năng thanh toán: Do tình hình sản xuất kinh doanh Công ty bị lỗ, lỗ lũy kế của Công ty đã quá vốn chủ sở hữu nên Công ty gặp khó khăn khi phải thanh toán các khoản ngắn hạn đặc biệt là các khoản cần thanh toán ngay. Chỉ số khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh năm 2024 có cải thiện so với năm 2023 nhưng vẫn ở mức rất thấp. Công ty hầu như không có khả năng thanh toán ngay.

Đối với cơ cấu vốn: Nguồn vốn của công ty hiện tại chủ yếu là vốn đi vay và nợ phải trả, năm 2024 vốn vay và nợ phải trả của công ty đã cao hơn tổng nguồn vốn, cơ cấu này chính tỏ Công ty đã dần mất đi tính tự chủ về tài chính, rủi ro trong sản xuất, kinh doanh cao.

III. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Đánh giá kết quả hoạt động:

Ban Kiểm soát hoạt động theo quy chế của BKS. Trong quá trình hoạt động, BKS đã thực hiện nhiệm vụ một cách khách quan, trung thực, cẩn trọng, chấp hành nghiêm chỉnh chế độ, chính sách nhà nước và điều lệ của Công ty. BKS đã hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều lệ của Công ty; Luật doanh nghiệp và quy chế hoạt động của BKS. Bên cạnh đó, BKS còn tồn tại một số hạn chế như: Nhân sự ban kiểm soát còn mỏng, lại hoạt động kiêm nhiệm nên trong quá trình thực

hiện nhiệm vụ đôi khi còn chưa được thường xuyên và kịp thời. Do thời gian có hạn, khối lượng công việc kiểm soát nhiều, phạm vi rộng, việc kiểm tra phần lớn chỉ thực hiện được theo vụ việc hoặc chọn mẫu nên không thể tránh khỏi thiếu sót.

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT và BĐH:

- HĐQT rất quan tâm đến hoạt động của BKS, tạo điều kiện để BKS thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, BKS cũng đã nhận được sự phối hợp tích cực của Ban điều hành.

- Các cuộc họp của HĐQT đều mời TBKS tham dự. Các Nghị quyết, quyết định và các văn bản chỉ đạo của HĐQT, Ban điều hành được gửi đến BKS theo quy định. BKS đã tham gia ý kiến trực tiếp tại các kỳ họp HĐQT, và có những đánh giá, kiến nghị đối với HĐQT, Ban điều hành để khắc phục các tồn tại, hạn chế. HĐQT, Ban điều hành đã tham khảo các ý kiến, tiếp thu một số kiến nghị của BKS và có các giải pháp khắc phục kịp thời.

- HĐQT, Ban điều hành đã quan tâm đến hệ thống kiểm soát nội bộ và Công tác của BKS, tạo điều kiện để BKS thực hiện tốt nhiệm vụ. HĐQT, Ban điều hành và Ban Kiểm soát đã phối hợp khá chặt chẽ trên tinh thần hợp tác và xây dựng với mục tiêu chung là xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh.

3. Thù lao của ban kiểm soát

Năm 2024, ban HĐQT và BKS không nhận thù lao.

IV. Kiến nghị:

1. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ của BKS, đề nghị HĐQT và Ban điều hành tiếp tục phối hợp trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu theo quy định tại điều lệ của Công ty và thông báo kịp thời các chương trình Công tác của Công ty để BKS chủ động trong Công tác kiểm tra, giám sát và phối hợp thực hiện.

2. Quản lý chặt chẽ, cân đối hợp lý lượng tồn kho & nhu cầu sử dụng của các nguyên liệu, vật tư để tránh việc tồn đọng vốn, quản lý sát sao công tác thu hồi công nợ bán hàng, công nợ đầu tư vùng nguyên liệu...

3. Đánh giá tình trạng máy móc thiết bị chính xác, kịp thời. Thực hiện tốt công tác kiểm tu, sửa chữa lớn hiệu quả, tiết kiệm.

4. Làm tốt công tác phát triển vùng nguyên liệu, xây dựng mối quan hệ 2 chiều với các địa phương, với người nông dân trồng mía, có chính sách hỗ trợ kịp thời với người nông dân, xây dựng vùng nguyên liệu bền vững...

V. Nhiệm vụ và chương trình công tác kiểm soát năm 2025

1. Nhiệm vụ chung: Thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

2. Nhiệm vụ cụ thể: BKS thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát, tập trung triển khai chương trình công tác năm 2025 của BKS, trong đó thực hiện 4 nhóm nhiệm vụ chính (*Một là, kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty; Hai là, thẩm định các báo cáo hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính; Ba là, phân tích đánh giá và đề xuất các kiến nghị; Bốn là, thực hiện chế độ báo cáo và Công bố thông tin*) và những công việc phát sinh khác.

3. Các giải pháp và tổ chức thực hiện:

- Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên làm việc theo chương trình công tác của BKS năm 2025 một cách chủ động, hiệu quả.

- Sau mỗi đợt kiểm tra định kỳ, mỗi thành viên BKS phải viết báo cáo kết quả thực hiện theo nhiệm vụ được phân công.

- Trưởng BKS có trách nhiệm tổng hợp, lập biên bản và báo cáo theo quy định.

- BKS sẽ họp thường kỳ vào những đợt kiểm tra để kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong hoạt động, ngoài ra tùy theo tình hình cụ thể Trưởng ban kiểm soát có thể triệu tập các cuộc họp khi cần thiết hoặc sẽ trao đổi bằng điện thoại và thư điện tử.

Trên đây là toàn bộ báo cáo kết quả hoạt động kiểm soát năm 2024 và nhiệm vụ ban kiểm soát năm 2025 của BKS Công ty CP mía đường Sơn Dương. Báo cáo này đã được thông qua HĐQT Công ty trước khi trình lên đại hội đồng Cổ đông.

BKS chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của HĐQT, Ban điều hành, các phòng ban và toàn thể cổ đông trong Công ty.

Trong phạm vi có hạn, báo cáo của BKS không tránh khỏi những hạn chế rất mong sự đóng góp của HĐQT, BDH Công ty, Ban Lãnh đạo Tổng công ty mía đường I

- Công ty cổ phần và Quý vị Cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BTGD Công ty
- TCT mía đường I (để b/c)
- Lưu BKS.



CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SON DƯƠNG

Số: 46 /TTr-ĐSD-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Son Dương, ngày 06 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020 số 59/2020/QH14;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP mía đường Sơn Dương;
Căn cứ Nghị quyết số 20 /NQ-ĐSD-HĐQT ngày 19 / 5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương,
Hội đồng quản trị Công ty cổ p hần mía đường Sơn Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024 của Công ty cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ	128.449.740.000
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2024	(58.102.919.494)
3	Thuế TNDN năm 2024	0
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2024	(58.102.919.494)
5	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2024	0
6	Lợi nhuận còn lại của các năm trước chuyển sang	(423.160.406.254)
7	Lợi nhuận chia cổ tức năm 2024	0
8	Tổng lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2025	(481.263.325.748)

Năm 2024, Công ty chỉ sản xuất tại Nhà máy Sơn Dương do thiếu mía nguyên liệu. Tuy nhiên, kết quả SXKD vẫn tính đủ khấu hao tài sản đường Nhà máy Tuyên Quang. Nếu không tính khấu hao tài sản đường Nhà máy Tuyên Quang, lỗ còn lại 23,362 tỷ đồng.

2. Đối với khoản lỗ của các năm trước được tiếp tục chuyển sang cộng dồn với khoản lỗ phát sinh năm 2024.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, B.TGD Công ty;
- Niêm yết tại Công ty;
- Đăng tải trên website của Công ty;
- Lưu VT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hội

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SON DƯƠNG**

Số: 47/TTr-ĐSD-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Son Dương, ngày 06 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020 số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP mía đường Son Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 20 /NQ-ĐSD-HĐQT ngày 19/5 /2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Son Dương,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Son Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	So sánh
1	Sản xuất nông nghiệp				
-	Diện tích	Ha	2.213	2.650	119,75%
-	Năng suất (cả mía giống)	Tấn/ha	61,29	61,10	99,69%
-	Sản lượng mía sạch	Tấn	126.213	148.817	117,91%
2	Chế biến công nghiệp				
2.1	Giá trị SXCN	Triệu đồng	281.802	339.301	120,40%
2.2	Sản lượng sản xuất				
-	Đường	Tấn	12.217	16.500	135,06%
-	Mật rỉ	Tấn	4.831	5.655	117,06%
-	Phân bón	Tấn	7.193	7.500	104,27%
-	Điện phát lên lưới	1.000 kW	11.832	19.440	164,30%
3	Kết quả kinh doanh				
-	Tổng doanh thu	Triệu đồng	249.483	371.502	148,91%
-	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(58.103)	(33.099)	
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	11.977	20.306	169,54%
5	Cổ tức	%	0	0	
6	Thu nhập BQ LĐ	Đồng/ng/th	6.524.000	6.700.000	102,70%

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, B.TGĐ Công ty;
- Niêm yết tại Công ty;
- Đăng tải trên website của Công ty;
- Lưu VT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hội

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG
Số: 48 /TTr-ĐSD-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Sơn Dương, ngày 06 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Mức thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020 số 59/2020/QH14;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương;
Căn cứ Nghị quyết số 20 /NQ-ĐSD-HĐQT ngày 19 / 5 /2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương năm 2025 như sau:

1.1. Hội đồng quản trị

- Chủ tịch : 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên : 3.500.000 đồng/người/tháng.

1.2. Ban kiểm soát

- Trưởng ban : 3.500.000 đồng/tháng.
- Thành viên : 1.750.000 đồng/người/tháng.

2. Từ ngày 01/01/2026 đến ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty, nếu chưa có quy định mới thì tạm thực hiện theo mức thù lao năm 2025.

3. Thông qua thù lao và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương năm 2025 tối đa là 0,25% doanh thu thuần.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, B.TGD Công ty;
- Niêm yết tại Công ty;
- Đăng tải trên website của Công ty;
- Lưu VT.



Nguyễn Văn Hội

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG

Số: 49/TTr-ĐSD-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Dương, ngày 06 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020 số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP mía đường Sơn Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 20 /NQ-ĐSD-HĐQT ngày 19 / 5 /2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025:

1. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2025 của Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương.

2. Đơn vị kiểm toán là một trong các Công ty có trong danh sách được phép kiểm toán Công ty đại chúng, Công ty niêm yết.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, B.TGD Công ty;
- Niêm yết tại Công ty;
- Đăng tải trên website của Công ty;
- Lưu VT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hội

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG**

Số 50/TTr-ĐSD-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Dương, ngày 6 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Phê duyệt quyết toán Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang công suất 25MW

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020 số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP mía đường Sơn Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-ĐSD-HĐQT ngày 19/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương kính trình Đại hội đồng

cổ đông thông qua báo cáo quyết toán Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang công suất 25MW với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang công suất 25MW.

2. Giá trị quyết toán: 405.824.608.239 đồng. Trong đó:

Stt	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	Chênh lệch	Ghi chú
A	1	2	3	4=3-2	5
1	Chi phí xây dựng	25.062.674.866	23.919.153.808	-1.143.521.058	
2	Chi phí thiết bị	350.814.017.199	348.845.394.592	-1.968.622.607	
3	Chi phí quản lý dự án	4.927.258.672	2.250.659.565	-2.676.599.107	
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	10.025.431.400	9.354.145.461	-671.285.939	
5	Chi phí lãi vay, chi phí khác	19.042.143.845	18.418.602.468	-623.541.377	
6	Giải phóng mặt bằng	6.047.235.509	3.036.652.345	-3.010.583.164	
7	Chi phí dự phòng	9.312.077.922	0	-9.312.077.922	
	Tổng cộng	425.230.839.413	405.824.608.239	-19.406.231.174	

3. Nguồn vốn đầu tư

Stt	Nguồn vốn	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
	Vốn vay tín dụng ưu đãi đầu tư của Nhà nước	99.740.000.000	24,6
	Vay Chi nhánh Ngân hàng phát triển Tuyên Quang	99.740.000.000	
	Vốn tự có	306.084.608.239	75,4
	Tổng cộng	405.824.608.239	100,00

(có báo cáo quyết toán dự án kèm theo)

3. Giao cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức công tác hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu còn thiếu và hoàn thành công tác kiểm toán, điều chỉnh giá trị quyết toán theo báo cáo kiểm toán - xong trong quý III/2025. Báo cáo ĐHCĐ kết quả tại đại hội gần nhất.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, B.TGĐ Công ty;
- Niêm yết tại Công ty;
- Đăng tải trên website của Công ty;
- Lưu VT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hội

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang công suất 25MW

I. VĂN BẢN PHÁP LÝ

1. Văn bản của chính quyền, cơ quan chức năng địa phương

- 1.1. Văn bản số 1427/UBND-CN ngày 13/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc chủ trương khảo sát, lập dự án đầu tư điện sinh khối phát lên lưới điện Quốc gia;
- 1.2. Văn bản số 2732/UBND-CN ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc chấp thuận chủ trương để Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương đầu tư xây dựng NM điện sinh khối mía đường Tuyên Quang;
- 1.3. Văn bản số 2506/UBND-TNMT ngày 31/08/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về quy hoạch mở rộng tổng mặt bằng Nhà máy đường Tuyên Quang để xây dựng Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang;
- 1.4. Quyết định 1148/QĐ-UBND ngày 16/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang;
- 1.5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số: 8201010665 chứng nhận lần đầu ngày 17/9/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang;
- 1.6. Quyết định số 184/QĐ-CT ngày 28/01/2016 của UBND huyện Hàm Yên v/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể nhà máy đường Bình Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang;
- 1.7. Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang v/v Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang;
- 1.8. Văn bản số 1687/UBND-CN ngày 04/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang v/v thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110kV đấu nối Nhà máy nhiệt điện sinh khối mía đường Tuyên Quang;
- 1.9. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế PCCC của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Tuyên Quang số 28/TD-PCCC-TQ ngày 13/7/2016;
- 1.10. Giấy cấp phép xây dựng số 13/GPXD của sở xây dựng tỉnh Tuyên Quang ngày 28/7/2016.

2. Văn bản chuyên ngành

- 2.1. Quyết định số 1943/QĐ-BCT của Bộ Công thương ngày 04/3/2015 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020;
- 2.2. Văn bản số 3411/EVN-KT-TTĐ ngày 20/8/2015 của Tập đoàn điện lực Việt Nam về việc chấp thuận mua sản lượng điện dư của Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang;
- 2.3. Thỏa thuận đấu nối số 22/9/2015 ngày 22/9/2015 giữa Tổng công ty điện lực miền bắc và Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương;

3. Văn bản của Công ty

- 3.1. Nghị quyết số 148/NQ-ĐSD-HĐQT ngày 13/10/2014 của Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua chủ trương đầu tư xây dựng Nhà máy điện sinh khối;

3.2. Quyết định số 157b/QĐ-ĐSD-HĐQT ngày 13/10/2014 của của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang;

3.3. Nghị quyết số 68/ NQ- ĐSD- ĐHĐCD ngày 20/4/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015;

3.4. Nghị quyết số 112/NQ-HĐQT-ĐSD ngày 29/6/2015 Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang công suất 25MW;

3.5. Quyết định số 118/QĐ-ĐSD-HĐQT, ngày 30/06/2015 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang công suất 25MW;

3.6. Nghị quyết số 233/NQ-ĐSD-HĐQT ngày 04/12/2015, của Hội đồng quản trị Công ty về việc thống nhất điều chỉnh tăng Tổng mức đầu tư Dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang công suất 25MW;

3.7. Quyết định số 238/QĐ-ĐSD-HĐQT ngày 04/12/2015 của Hội đồng quản trị Công ty về việc điều chỉnh Tổng mức đầu tư Dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang công suất 25MW;

3.8. Quyết định số 139/QĐ-ĐSD-HĐQT ngày 11/7/2015 của HĐQT Công ty v/v thành lập Ban QLDA và Quy chế tổ chức hoạt động của Ban QLDA;

3.9. Quyết định số 208/QĐ-ĐSD-HĐQT ngày 14/10/2015 của của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt Kế hoạch đấu thầu Dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang;

3.10. Quyết định số 236/QĐ-ĐSD-HĐQT ngày 04/12/2015 của của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt Kế hoạch đấu thầu điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang;

3.11. Quyết định số /QĐ-ĐSD-HĐQT ngày / / của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt Dự toán đầu tư xây dựng nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang;

3.12. Và các quyết định, văn bản khác có liên quan.

II. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN

1. Tổng mức đầu tư

- Tổng mức đầu tư xây dựng Nhà máy điện sinh khối được phê duyệt tại quyết định 236/QĐ-ĐSD-HĐQT ngày 04/12/2015 là :

Trong đó:	+ Chi phí xây dựng	: 390.289.995.224 đồng
	+ Chi phí thiết bị	: 37.797.938.209 đồng
	+ Chi phí quản lý dự án	: 303.644.918.926 đồng
	+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	: 5.419.984.539 đồng
	+ Chi phí lãi vay, chi phí khác	: 6.651.959.060 đồng
	+ Giải phóng mặt bằng	: 19.858.813.775 đồng
	+ Chi phí dự phòng	: 6.673.095.000 đồng
		: 10.243.285.714 đồng

2. Nguồn vốn đầu tư

- Nguồn vốn tự có (30%), tương đương : 117.086.998.567 đồng

- Nguồn vốn vay thương mại (70%), tương đương : 273.202.996.657 đồng

3. Tiến độ thực hiện dự án: Từ tháng 09/2015 đến tháng 11/2016.

III. THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

1. Chi phí thực hiện

1.1. Tổng giá trị dự toán được phê duyệt tại quyết định số QĐ-ĐSD-HĐQT ngày là 425.230.839.413 đồng.

1.2. Giá trị quyết toán

(ĐVT: đồng)

Stt	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	Chênh lệch
A	1	2	3	4=3-2
1	Chi phí xây dựng	25.062.674.866	23.919.153.808	-1.143.521.058
2	Chi phí thiết bị	350.814.017.199	348.845.394.592	-1.968.622.607
3	Chi phí quản lý dự án	4.927.258.672	2.250.659.565	-2.676.599.107
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	10.025.431.400	9.354.145.461	-671.285.939
5	Chi phí lãi vay, chi phí khác	19.042.143.845	18.418.602.468	-623.541.377
6	Giải phóng mặt bằng	6.047.235.509	3.036.652.345	-3.010.583.164
7	Chi phí dự phòng	9.312.077.922	0	-9.312.077.922
	Tổng	425.230.839.413	405.824.608.239	-19.406.231.174

* Chi tiết biểu 1 kèm theo.

2. Nguồn vốn đầu tư

(ĐVT: đồng)

Stt	Nguồn vốn	Số tiền	Tỷ lệ (%)
I	Vốn vay tín dụng ưu đãi đầu tư của Nhà nước	99.740.000.000	24,6
1	Vay Chi nhánh Ngân hàng phát triển Tuyên Quang	99.740.000.000	
II	Vốn tự có	306.084.608.239	75,4
	Tổng cộng	405.824.608.239	100,00

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư : 371.000.715.040 đồng

* Chi tiết biểu 2 kèm theo.

4. Giá không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: 34.823.893.199 đồng (thuế GTGT đầu vào được khấu trừ)

5. Các khoản công nợ phải thu, phải trả tính đến thời điểm 30/04/2025

(ĐVT: đồng)

Stt	Tên tổ chức, cá nhân	Phải thu	Phải trả
1	Liên danh nhà thầu TCT mía đường I và CTCP Lisemco2	5.237.183.411	118.639.685.320
2	CTCP tư vấn xây dựng và thương mại Itasco		256.982.663
3	CTCP thiết kế công nghiệp hóa chất CECO		299.360.000
4	Viện năng lượng		1.419.300.000
5	Công ty CP thiết bị công nghệ hóa chất Tam Sơn		140.333.000
6	Công ty CP tư vấn Điện và xây dựng Đông Á		242.220.000
7	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tuyên Quang		20.000.000
8	Công ty CP tư vấn và xây dựng hệ thống điện Miền Bắc		622.027.130
9	Công ty TNHH Tư vấn quản lý và chuyển đổi tổ chức		9.824.990
10	Công ty TNHH Kiểm toán VACO		270.000.000
11	Công ty TNHH đá và xây dựng Nam Sơn	64.325.000	
	Tổng cộng	5.301.508.411	121.919.733.103

IV. THUYẾT MINH BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

1. Thuận lợi

- Phát triển điện sinh khối là chủ trương được Nhà nước khuyến khích đầu tư. Chính phủ, các bộ ngành có nhiều chính sách ưu đãi nhằm thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực năng lượng sạch như điện sinh khối.

- Được sự đồng thuận, giúp đỡ nhiệt tình của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các Sở, Ban ngành trong tỉnh, lãnh đạo và nhân dân địa phương nơi xây dựng nhà máy.
- Sự đoàn kết nhất trí và quyết tâm cao của lãnh đạo và toàn thể các cổ đông Công ty. Sự chỉ đạo quyết liệt, sáng tạo, thường xuyên liên tục của HĐQT.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn triển khai dự án có hiệu quả, tín nhiệm cao các tổ chức tín dụng. Công ty nhận được nguồn vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước qua Ngân hàng phát triển với lãi suất ổn định trong suốt thời gian vay, góp phần giảm chi phí lãi vay trong thời gian thi công và hoạt động của dự án.
- Công ty là chủ đầu tư của dự án nên cơ sở vật chất ban đầu và các điều kiện triển khai dự án có nhiều thuận lợi.

2. Khó khăn

- Phần lớn lãnh đạo và cán bộ Công ty chưa có kinh nghiệm trong tổ chức, chỉ đạo và quản lý dự án.
- Lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý Công ty vừa phải lo sản xuất ở các nhà máy đường vừa phải lo tập trung chỉ đạo, phục vụ dự án.
- Dự án đi vào hoạt động trùng với chu kỳ suy giảm của ngành mía đường dẫn đến nguồn nguyên liệu cung cấp cho nhà máy bị thiếu hụt nghiêm trọng ảnh hưởng đến hiệu quả của dự án.
- Đây là dự án điện là một ngành có tính chất đặc thù khác hoàn toàn với những ngành sản xuất mía đường Công ty đang thực hiện. Nên khi xây dựng dự án và thi công gặp những khó khăn như giải phóng đường dây, đào tạo các trường ca để vận hành, đào tạo điều độ dự án, thuê các đơn vị tính toán tham số rơ le, trang bị các rơle bảo vệ đường dây.
- Không huy động được hết nguồn vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước theo hợp đồng vay vốn cho dự án dẫn đến nguồn vốn đầu tư của Chủ sở hữu tăng cao, ảnh hưởng đến tình hình tài chính chung của Công ty.

3. Đánh giá những mặt làm được và tồn tại

3.1. Những mặt làm được

3.1.1. Đảm bảo tốt chất lượng công trình

- Công ty đã căn cứ theo các văn bản quy định của Nhà Nước về quản lý đầu tư xây dựng công trình để soạn thảo, ban hành các văn bản quy định về tổng mức đầu tư, dự toán, phân chia các gói thầu, kế hoạch đấu thầu ...

- Về các công trình xây dựng: Thực hiện nghiêm chỉnh quy định về quản lý chất lượng công trình theo quy định của Nhà nước về quản lý chất lượng xây dựng công trình. Các hạng mục công trình xây dựng đều được thực hiện với phương châm “an toàn, chất lượng, tiết kiệm và hiệu quả”.

- Về thiết bị: Dây chuyền thiết bị lắp đặt xong là chạy thử và nghiệm thu vào ngày 03/4/2018. Chính thức phát điện thương mại và tháng 01/2019.

3.1.2. Về tổng mức đầu tư

- Với phương châm “tiết kiệm, chất lượng, hiệu quả” Công ty đã chủ trương phát huy tối đa năng lực sở trường và các điều kiện thuận lợi, lợi thế của Công ty về sửa chữa, vận hành, quản lý thiết bị; để đẩy nhanh tiến độ, mọi số hạng mục, nội dung công việc HĐQT đã giao cho Chủ đầu tư tự thực hiện, giảm giá trị thanh toán của nhà thầu. Trong quá trình thực hiện, một số hạng mục chưa cần thiết đã được Chủ đầu tư tạm thời chưa triển khai thực hiện.

3.2. Những tồn tại

- Do thời gian triển khai thực hiện dự án ngắn, tiến độ thi công gấp, nhiều hạng mục của dự án phụ thuộc vào công tác gia công, chế tạo từ nước ngoài nên chậm tiến độ thực hiện của dự án

- Không được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng đã ký dẫn đến khó khăn về vốn thanh toán cho các Nhà thầu dẫn đến nợ tiền thi công, xây lắp các nhà thầu với giá trị lớn.
- Công tác quyết toán của một số nhà thầu chậm. Ảnh hưởng lớn đến công tác quyết toán, kiểm toán dự án. Dự kiến, công tác hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu còn thiếu để kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán trong quý III/2025.

Trên đây là báo cáo quyết toán dự án đầu tư Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang công suất 25MW của Ban quản lý dự án.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, B.TGD Công ty;
- Niêm yết tại Công ty;
- Đăng tải trên website của Công ty;
- Lưu VT.

T/M BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Đức Chăng



GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN

DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY ĐIỆN SINH KHỐI MÍA ĐƯỜNG TUYÊN QUANG CÔNG SUẤT 25MW

TT	Tên hạng mục	Giá trị dự toán	Giá trị quyết toán	Chênh lệch
I	Chi phí xây dựng, Thiết bị	375,876,692,065	372,764,548,400	3,112,143,665
1	Tổng thầu (EPC) thiết kế và cung cấp dịch vụ kỹ thuật – mua sắm thiết bị và vật tư xây lắp công trình nhà máy phát điện sinh khối mía đường tuyên quang 25MW, TBA-trạm cắt cao thế	359,957,739,000	357,696,871,400	2,260,867,600
2	Thi công đường dây dẫn, tư vấn đấu nối đường dây dẫn từ trạm 110kV đến hệ thống lưới điện Quốc gia	8,945,580,000	8,566,088,766	379,491,234
3	Mua sắm, lắp đặt, thí nghiệm ghép nối Hệ thống thông tin SCADA Nhà máy nhiệt điện Sinh Khối Tuyên Quang với Trung tâm Điều độ HTĐ Miền Bắc	1,320,000,000	1,275,824,000	44,176,000
4	Lắp đặt cáp nhĩ thứ và hướng dẫn vận hành Thiết bị trạm 110kv	165,256,265	165,256,265	-
5	Mua sắm, lắp đặt, thí nghiệm Hệ thống đo đếm phục vụ mua bán điện với Công ty Mua bán điện (EPTC)	1,460,800,000	1,428,118,519	32,681,481
6	Cung cấp vật tư thiết bị, lắp đặt thí nghiệm hiệu chỉnh, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, lập hồ sơ và thỏa thuận hệ thống Rơ-le bảo vệ và tự động cho giải pháp phối hợp bảo vệ đường truyền Nhà máy điện sinh khối mía đường mía đường Tuyên Quang	3,174,050,000	3,110,135,650	63,914,350
7	Xây dựng hệ thống đọc và truyền dữ liệu công tơ điện từ từ xa NMD SK mía đường Tuyên Quang	196,499,800	196,499,800	-
8	Thi công lắp đặt hệ thống PCCC	656,767,000	325,754,000	331,013,000
II	Chi phí quản lý dự án	4,927,258,672	2,250,659,565	2,676,599,107
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	10,025,431,400	9,354,145,461	671,285,939
1	Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, Đánh số thiết bị; Tính toán tham số chỉnh định rơ le; Tổ chức đào tạo bồi huấn chuyên đề điều độ hệ thống điện; Hỗ trợ các văn bản đăng ký đấu nối vào lưới điện 110kV với Trung tâm điều độ hệ thống điện miền Bắc, xây dựng Quy trình phối hợp vận hành và tính toán đánh giá ảnh hưởng Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang	3,382,500,000	3,327,705,006	54,794,994
2	Giám sát thi công xây dựng công trình	1,993,979,000	1,871,000,000	122,979,000
3	Giám định vật tư thiết bị	398,864,000	240,545,455	158,318,545
4	Lập dự án đầu tư Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang	1,028,000,000	1,028,000,000	-

TT	Tên hạng mục	Giá trị dự toán	Giá trị quyết toán	Chênh lệch
5	Thẩm tra dự án đầu tư xây dựng	158,926,000	85,000,000	73,926,000
6	Lập phương án đấu nối vào lưới điện quốc gia	335,000,000	335,000,000	-
7	Xin cấp phép phát điện thương mại	267,000,000	267,000,000	-
8	Lập đề án bổ sung quy hoạch phát triển điện tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2015 có xét đến năm 2020	355,000,000	355,000,000	-
9	Lập hồ sơ mua bán điện	283,000,000	283,000,000	-
10	Hỗ trợ đạt chấp thuận khoản 3 điều 6 quyết định số 24/2014/QĐ-TTg ngày 24/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ	347,000,000	347,000,000	-
11	Lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu các hạng mục xây dựng và thiết bị	413,423,000	200,475,000	212,948,000
12	Tư vấn lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công đường dây điện 110KV đấu nối nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang	825,275,000	807,400,000	17,875,000
13	Lập bản đồ quy hoạch mặt bằng nhà máy mở rộng	65,090,000	65,090,000	-
14	Lập BC đánh giá tác động môi trường	172,374,400	141,930,000	30,444,400
IV	Chi phí khác	19,042,143,845	18,418,602,468	623,541,377
1	Chi phí thẩm duyệt PCCC	4,690,448,147	90,121,508	(2,930,434,923)
2	Chi phí chạy thử			
3	Chi phí chuyên gia		467,847,000	
4	Chi phí giám sát CĐT		167,865,044	
5	Chi phí vận hành		4,244,375,290	
6	Chi phí tự thực hiện		2,650,674,228	
7	Chi phí thí công cho nhà thầu			
8	Kiểm toán quyết toán dự án	450,000,000	450,000,000	
9	Bảo hiểm công trình	538,676,777	538,676,777	-
10	Chi phí lãi vay trong thời gian XD	13,363,018,921	9,809,042,621	3,553,976,300
V	Đền bù giải phóng mặt bằng	6,047,235,509	3,036,652,345	3,010,583,164
VI	Chi phí dự phòng	9,312,077,922		9,312,077,922
TỔNG		425,230,839,413	405,824,608,239	19,406,231,174



Biểu số 02

GIÁ TRỊ HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÓ ĐỊNH SAU ĐẦU TƯ
DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY ĐIỆN SINH KHỐI MÍA ĐƯỜNG TUYÊN QUANG, CÔNG SUẤT 25MW

TT	Tên hạng mục + công trình	Số tiền (trước thuế)	Chi phí quản lý, tư vấn, chi khác	Chi phí lãi vay	Giá trị ghi tăng tài sản
A	Phần xây dựng, lắp đặt	66,432,038,704	3,779,211,490	1,922,924,731	72,134,174,924
I	Phần xây dựng	21,344,685,280	1,214,264,705	617,837,778	23,176,787,763
1	Chi phí thiết kế Xây dựng	509,685,280	28,995,173	14,753,219	553,433,672
2	Móng thân lò hơi	2,100,000,000	119,465,612	60,786,061	2,280,251,672
3	Móng quạt thổi bã	300,000,000	17,066,516	8,683,723	325,750,239
4	Móng quạt thử cấp	100,000,000	5,688,839	2,894,574	108,583,413
5	Móng quạt đẩy	400,000,000	22,755,355	11,578,297	434,333,652
6	Móng quạt hút	300,000,000	17,066,516	8,683,723	325,750,239
7	Móng ống khói	700,000,000	39,821,871	20,262,020	760,083,891
8	Móng neo ống khói	150,000,000	8,533,258	4,341,861	162,875,119
9	Móng bơm cấp nước lò	350,000,000	19,910,935	10,131,010	380,041,945
10	Nhà , móng thiết bị hệ thống xử lý nước RO	1,000,000,000	56,888,386	28,945,743	1,085,834,130
11	Móng hệ thống lọc bụi ướt	800,000,000	45,510,709	23,156,595	868,667,304
12	Móng bồn xả bã	30,000,000	1,706,652	868,372	32,575,024
13	Hố xả bã	20,000,000	1,137,768	578,915	21,716,683
14	Móng bồn nước nóng	180,000,000	10,239,910	5,210,234	195,450,143
15	Móng bồn nước thô	180,000,000	10,239,910	5,210,234	195,450,143
16	Móng bồn nước tinh khiết	180,000,000	10,239,910	5,210,234	195,450,143
17	Móng hệ thống băng tải	20,000,000	1,137,768	578,915	21,716,683
18	Móng hố cấp bã cho băng tải	300,000,000	17,066,516	8,683,723	325,750,239
19	Móng bơm nước nóng khử ôxy	50,000,000	2,844,419	1,447,287	54,291,706
20	Móng khử ôxy	150,000,000	8,533,258	4,341,861	162,875,119
21	Nền lò hơi	100,000,000	5,688,839	2,894,574	108,583,413
22	Mương thoát nước mưa khu vực lò hơi, khu vực xử lý nước	100,000,000	5,688,839	2,894,574	108,583,413
23	Móng tuabin máy phát và các móng phụ trợ cho tuabin	1,500,000,000	85,332,580	43,418,615	1,628,751,194
24	Nhà tua bin máy phát	8,500,000,000	483,551,285	246,038,817	9,229,590,102

TT	Tên hạng mục + công trình	Số tiền (trước thuế)	Chi phí quản lý, tư vấn, chi khác	Chi phí lãi vay	Giá trị ghi tăng tài sản
25	Mương cấp điện, tủ điện cao áp nhà tuabin máy phát	250,000,000	14,222,097	7,236,436	271,458,532
26	Mương thoát nước mưa cho nhà tuabin máy phát	50,000,000	2,844,419	1,447,287	54,291,706
27	Móng và mái che của bơm tuần hoàn cooling Tower	50,000,000	2,844,419	1,447,287	54,291,706
28	Bể chứa nước tuần hoàn	2,500,000,000	142,220,966	72,364,358	2,714,585,324
29	Móng bơm nước tuần hoàn	180,000,000	10,239,910	5,210,234	195,450,143
30	Móng đường ống hơi thứ đến hóa chế	60,000,000	3,413,303	1,736,745	65,150,048
31	Móng trạm biến áp 110KVA	200,000,000	11,377,677	5,789,149	217,166,826
32	Nhà điều hành trạm biến áp (DT= 20m2)	35,000,000	1,991,094	1,013,101	38,004,195
II	Phần lắp đặt	45,087,353,424	2,564,946,785	1,305,086,953	48,957,387,162
a	Lắp đặt thiết bị lò hơi	22,710,000,000	1,291,935,256	657,357,828	24,659,293,084
1	Lò hơi bã mía 125t/h (kèm đường ống hơi nước trong phạm vi lò, kèm mái che mưa)	15,000,000,000	853,325,797	434,186,148	16,287,511,944
2	Van và đồng hồ thuộc phần chính của lò hơi	150,000,000	8,533,258	4,341,861	162,875,119
3	Máy cấp bã kiểu con lăn	120,000,000	6,826,606	3,473,489	130,300,096
4	Quạt đẩy	100,000,000	5,688,839	2,894,574	108,583,413
5	Quạt cấp 2	20,000,000	1,137,768	578,915	21,716,683
6	Quạt thổi bã	25,000,000	1,422,210	723,644	27,145,853
7	Quạt hút	120,000,000	6,826,606	3,473,489	130,300,096
8	Bộ khuếch dung xả cận định kỳ	30,000,000	1,706,652	868,372	32,575,024
9	Bộ làm mát lấy mẫu	3,000,000	170,665	86,837	3,257,502
10	Bộ khuếch dung xả cận liên tục	30,000,000	1,706,652	868,372	32,575,024
11	Thiết bị thêm photphat	20,000,000	1,137,768	578,915	21,716,683
12	Bộ khuếch rung xả đáy kiểu nằm	15,000,000	853,326	434,186	16,287,512
13	Thùng nước chảy 15m3	10,000,000	568,884	289,457	10,858,341
14	Bơm nước chảy 43m3/h	10,000,000	568,884	289,457	10,858,341
15	Bộ giảm thanh xả khí sinh lửa	10,000,000	568,884	289,457	10,858,341
16	Bộ giảm thanh van an toàn ba lồng	10,000,000	568,884	289,457	10,858,341
17	Bộ giảm thanh van an toàn ống góp tập hợp hơi	10,000,000	568,884	289,457	10,858,341
18	Bộ thổi tro hơi	180,000,000	10,239,910	5,210,234	195,450,143
19	Kèm tám hãm chạy bằng điện đường thông gió	7,000,000	398,219	202,620	7,600,839

TT	Tên hạng mục + công trình	Số tiền (trước thuế)	Chi phí quản lý, tư vấn, chi khác	Chi phí lãi vay	Giá trị ghi tăng tài sản
20	Ống khói bằng thép	300,000,000	17,066,516	8,683,723	325,750,239
21	Bộ khử bụi ướt đá granit	1,500,000,000	85,332,580	43,418,615	1,628,751,194
22	Bơm hai cấp dùng cho bộ khử bụi	10,000,000	568,884	289,457	10,858,341
23	Bộ khử khí	150,000,000	8,533,258	4,341,861	162,875,119
24	Bơm nước cấp lò hơi cao áp	200,000,000	11,377,677	5,789,149	217,166,826
25	Thùng hồi nước công nghệ	15,000,000	853,326	434,186	16,287,512
26	Bơm hồi nước công nghệ	10,000,000	568,884	289,457	10,858,341
27	Bộ giảm ồn giảm áp	15,000,000	853,326	434,186	16,287,512
28	Hệ thống băng tải bã mía	150,000,000	8,533,258	4,341,861	162,875,119
29	Máy gạt bã	20,000,000	1,137,768	578,915	21,716,683
30	Xử lý nước cấp cho lò hơi	800,000,000	45,510,709	23,156,595	868,667,304
31	Đường ống hơi nước	200,000,000	11,377,677	5,789,149	217,166,826
32	Đường ống hơi chính	50,000,000	2,844,419	1,447,287	54,291,706
33	Van và phụ kiện	120,000,000	6,826,606	3,473,489	130,300,096
34	Đường ống khói gió	100,000,000	5,688,839	2,894,574	108,583,413
35	Xây lò	1,000,000,000	56,888,386	28,945,743	1,085,834,130
36	Bảo ôn	2,100,000,000	119,465,612	60,786,061	2,280,251,672
37	Ống lưu bã và vật liệu làm sản	100,000,000	5,688,839	2,894,574	108,583,413
b	Turbin máy phát	3,090,000,000	175,785,114	89,442,346	3,355,227,461
1	Máy phát	500,000,000	28,444,193	14,472,872	542,917,065
2	Bình ngưng	200,000,000	11,377,677	5,789,149	217,166,826
3	Turbine	1,500,000,000	85,332,580	43,418,615	1,628,751,194
4	Hệ thống làm mát (gồm bơm và đường ống)	450,000,000	25,599,774	13,025,584	488,625,358
5	Bơm nước ngưng	10,000,000	568,884	289,457	10,858,341
6	Đầu phân phối hơi, thiết bị tách nước	80,000,000	4,551,071	2,315,659	86,866,730
7	Trạm dầu bôi trơn và điều hành	60,000,000	3,413,303	1,736,745	65,150,048
8	Hệ thống Ejector	20,000,000	1,137,768	578,915	21,716,683
9	ống và phụ kiện turbin máy phát	120,000,000	6,826,606	3,473,489	130,300,096
10	Cầu trục 32T/5T	150,000,000	8,533,258	4,341,861	162,875,119
c	Thi công phần điện	11,500,000,000	654,216,444	332,876,047	12,487,092,491

TT	Tên hạng mục + công trình	Số tiền (trước thuế)	Chi phí quản lý, tư vấn, chi khác	Chi phí lai vay	Giá trị ghi tăng tài sản
1	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng	200,000,000	11,377,677	5,789,149	217,166,826
2	Lắp đặt hệ thống tiếp địa	100,000,000	5,688,839	2,894,574	108,583,413
3	Lắp máy biến áp chính và máy biến áp tự dùng	150,000,000	8,533,258	4,341,861	162,875,119
4	Lắp đặt thiết bị điện đầu ra máy phát	150,000,000	8,533,258	4,341,861	162,875,119
5	Lắp đặt hệ thống tự dùng AC	300,000,000	17,066,516	8,683,723	325,750,239
6	Lắp đặt hệ thống tự dùng DC	300,000,000	17,066,516	8,683,723	325,750,239
7	Lắp đặt hệ thống dự phòng	150,000,000	8,533,258	4,341,861	162,875,119
8	Lắp đặt hệ thống đo lường, điều khiển giám sát,...	450,000,000	25,599,774	13,025,584	488,625,358
9	Lắp đặt kết cấu thép giá đỡ cáp	100,000,000	5,688,839	2,894,574	108,583,413
10	Kéo rải cáp cao thế, hạ thế, thông tin,...	300,000,000	17,066,516	8,683,723	325,750,239
11	Lắp đặt thiết bị điện trạm 110kV	500,000,000	28,444,193	14,472,872	542,917,065
12	Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện	1,600,000,000	91,021,418	46,313,189	1,737,334,607
13	Kiểm định thiết bị thiết bị áp lực	150,000,000	8,533,258	4,341,861	162,875,119
14	Kiểm định thiết bị nâng	50,000,000	2,844,419	1,447,287	54,291,706
15	Giao nhận, vận chuyển thiết bị	7,000,000,000	398,218,705	202,620,202	7,600,838,907
d	Thi công xây dựng lắp đặt đường dây	7,787,353,424	443,009,971	225,410,732	8,455,774,127
32	Móng 4T26-22, đào đất cấp 3 bằng TC (3 móng)	317,784,339	18,078,238	9,198,504	345,061,081
33	Móng 4T30-28, đào đất cấp 3 bằng TC (4 móng)	392,128,045	22,307,532	11,350,438	425,786,014
34	Móng 4T32-32, đào đất cấp 3 bằng TC (1 móng)	180,314,698	10,257,812	5,219,343	195,791,853
35	Móng 4T34-32, đào đất cấp 3 bằng TC (2 móng)	375,770,422	21,376,973	10,876,954	408,024,349
36	Tiếp địa TDRS-4 đất cấp 3 (10 vị trí)	262,261,646	14,919,642	7,591,358	284,772,647
37	Bu lông neo BLN 42-250 (24 cái)	26,493,424	1,507,168	766,872	28,767,464
38	Bu lông neo BLN 36-250 (32 cái)	23,179,643	1,318,652	670,952	25,169,247
39	Bu lông neo BLN 48-250 (24 cái)	37,671,125	2,143,050	1,090,419	40,904,594
40	Cột đỡ thép mạ kẽm Đ121-31A (3 cột)	511,846,383	29,118,115	14,815,774	555,780,271
41	Cột đỡ thép mạ kẽm Đ121-35A (1 cột)	212,038,583	12,062,533	6,137,614	230,238,730
42	Cột néo thép mạ kẽm N121-29A (1 cột)	353,439,722	20,106,615	10,230,575	383,776,913
43	Cột néo thép mạ kẽm N121-29B (2 cột)	812,657,679	46,230,784	23,522,980	882,411,444
44	Cột néo thép mạ kẽm N121-33A (2 cột)	795,713,050	45,266,831	23,032,506	864,012,387
45	Cột néo thép mạ kẽm N121-33B (1 cột)	456,149,457	25,949,607	13,203,585	495,302,649

TT	Tên hạng mục + công trình	Số tiền (trước thuế)	Chi phí quản lý, tư vấn, chi khác	Chi phí lãi vay	Giá trị ghi tăng tài sản
46	XÀ PHỤ (01 xà)	28,473,864	1,619,832	824,197	30,917,893
47	Dây điện, dây chống sét, cáp quang	2,292,681,115	130,426,929	66,363,359	2,489,471,403
48	Lắp đặt phần điện + cáp quang	420,842,077	23,941,027	12,181,587	456,964,691
49	Vận chuyển đường dài	92,210,826	5,245,725	2,669,111	100,125,662
50	Thí nghiệm hiệu chỉnh tiếp địa	60,015,196	3,414,168	1,737,184	65,166,549
51	Kiểm tra thí nghiệm cáp quang	135,682,129	7,718,737	3,927,420	147,328,287
B	Máy móc, thiết bị	272,044,823,478	15,476,191,048	7,874,539,593	295,395,554,118
I	Thiết bị lò hơi	266,134,288,720	15,139,950,262	7,703,454,772	288,977,693,754
1	Hệ thống nồi hơi đốt bằng bã mía	62,177,720,000	3,537,190,163	1,799,780,314	67,514,690,478
2	Hệ thống thổi tro (cả bộ)	3,378,000,000	192,168,969	97,778,720	3,667,947,690
3	Bộ làm mát và lấy mẫu	25,267,440	1,437,424	731,385	27,436,249
4	Quạt dây	2,141,652,000	121,835,127	61,991,709	2,325,478,835
5	Giảm thanh của quạt dây	225,200,000	12,811,265	6,518,581	244,529,846
6	Hệ thống khởi động biến tần cao áp của quạt dây	4,970,862,120	282,784,325	143,885,298	5,397,531,744
7	Máy cắt cao áp của quạt dây	569,440,720	32,394,564	16,482,885	618,318,169
8	Quạt hút	4,729,200,000	269,036,557	136,890,209	5,135,126,766
9	Hệ thống khởi động biến tần cao áp của quạt hút	4,504,000,000	256,225,293	130,371,627	4,890,596,920
10	Máy cắt cao áp của quạt hút	569,440,720	32,394,564	16,482,885	618,318,169
11	Quạt thổi bã	337,800,000	19,216,897	9,777,872	366,794,769
12	Tủ khởi động mềm của quạt thổi bã	205,900,360	11,713,339	5,959,939	223,573,638
13	Quạt gió thứ cấp	788,200,000	44,839,426	22,815,035	855,854,461
14	Tủ khởi động biến tần cho quạt gió thứ cấp	962,730,000	54,768,156	27,866,935	1,045,365,092
15	Xà bản liên tục	810,720,000	46,120,553	23,466,893	880,307,446
16	Xà bản định kỳ	450,400,000	25,622,529	13,037,163	489,059,692
17	Tời	67,560,000	3,843,379	1,955,574	73,358,954
18	Hệ thống đường ống gió, đường ống khói, ống khói	2,837,520,000	161,421,934	82,134,125	3,081,076,059
19	Hệ thống giảm ôn, giảm áp cao áp	3,152,800,000	179,357,705	91,260,139	3,423,417,844
20	Hệ thống điều khiển tự động bằng DCS	11,727,560,240	667,161,979	339,462,947	12,734,185,166
21	Hệ thống đường ống của lò hơi	1,801,600,000	102,490,117	52,148,651	1,956,238,768
22	Hệ thống khử bụi phân ly nhiều ống nhỏ (Khử bụi khô)	4,278,800,000	243,414,028	123,853,046	4,646,067,074

TT	Tên hạng mục + công trình	Số tiền (trước thuế)	Chi phí quản lý, tư vấn, chi khác	Chi phí lãi vay	Giá trị ghi tăng tài sản
23	Bộ khử bụi	6,981,200,000	397,149,203	202,076,022	7,580,425,226
24	Hệ thống bơm tuần hoàn sử dụng nước lọc bụi	337,800,000	19,216,897	9,777,872	366,794,769
25	Tủ khởi động mềm của hệ thống bơm tuần hoàn	393,244,240	22,371,030	11,382,747	426,998,017
26	Cáp điện, dây điện, máng điện,	1,801,600,000	102,490,117	52,148,651	1,956,238,768
27	Đồng bộ gach chịu lửa xây lò và vật liệu bảo ôn lò hơi	9,120,600,000	518,856,217	264,002,545	9,903,458,763
28	Hệ thống xử lý nước RO 40 m ³ /h	8,557,600,000	486,828,056	247,706,092	9,292,134,148
29	Bơm thử áp	337,800,000	19,216,897	9,777,872	366,794,769
30	Bơm cấp nước lò	9,908,800,000	563,695,644	286,817,580	10,759,313,224
31	Máy cắt cao áp của bơm cấp nước lò	643,621,600	36,614,594	18,630,106	698,866,300
32	Hệ thống Tủ khởi động bơm cấp nước lò bằng biến tần	720,640,000	40,996,047	20,859,460	782,495,507
33	Bơm nước nóng (Bơm lên bình khử oxy)	675,600,000	38,433,794	19,555,744	733,589,538
34	Bình khử Oxy	1,418,760,000	80,710,967	41,067,063	1,540,538,030
35	Tủ khởi động mềm của bơm nước nóng	324,288,000	18,448,221	9,386,757	352,122,978
36	Hệ thống pha và bơm hóa chất cấp cho lò hơi	1,171,040,000	66,618,576	33,896,623	1,271,555,199
37	Hệ thống băng tải cấp bã vào lò hơi và thu hồi bã bằng cao su	225,200,000	12,811,265	6,518,581	244,529,846
38	Máy cấp bã mía cho lò hơi	1,914,245,040	108,898,312	55,409,245	2,078,552,597
39	Tủ biến tần của máy cấp bã	252,224,000	14,348,616	7,300,811	273,873,428
40	Máy biến áp nội bộ	894,044,000	50,860,721	25,878,768	970,783,489
41	Máy cắt biến áp nội bộ 400V	536,201,200	30,503,621	15,520,742	582,225,563
42	Máy cắt biến áp nội bộ 6.3KV	321,720,720	18,302,173	9,312,445	349,335,338
43	Tủ phân phối điện hạ thế	715,010,000	40,675,765	20,696,496	776,382,261
44	Giảm ồn cho lò hơi	337,800,000	19,216,897	9,777,872	366,794,769
45	Bơm cấp nước sự cố cho lò hơi	450,400,000	25,622,529	13,037,163	489,059,692
46	Đường ống các loại và các loại van	1,013,400,000	57,650,691	29,333,616	1,100,384,307
47	Hệ thống Tủ điều khiển van điện MCC	360,973,080	20,535,176	10,448,634	391,956,890
48	Máy cào xỉ	270,240,000	15,373,518	7,822,298	293,435,815
49	Bồn chứa nước tinh khiết	450,400,000	25,622,529	13,037,163	489,059,692
50	Bồn chứa nước nóng	450,400,000	25,622,529	13,037,163	489,059,692
51	Bồn chứa nước thô	450,400,000	25,622,529	13,037,163	489,059,692
52	Tua bin trích ngưng hơi kiểu xung động	53,372,400,000	3,036,269,717	1,544,903,783	57,953,573,500

TT	Tên hạng mục + công trình	Số tiền (trước thuế)	Chi phí quản lý, tư vấn, chi khác	Chi phí lãi vay	Giá trị ghi tăng tài sản
53	Tủ MCC	1,344,061,160	76,461,471	38,904,849	1,459,427,480
54	Đường ống với van các loại	2,071,840,000	117,863,635	59,970,949	2,249,674,583
55	Thiết bị giải nhiệt nước tuần hoàn	9,908,800,000	563,695,644	286,817,580	10,759,313,224
56	Hệ thống cấp nước làm mát cho turbine máy phát điện	2,702,400,000	153,735,176	78,222,976	2,934,358,152
57	Đường ống dẫn hơi	788,200,000	44,839,426	22,815,035	855,854,461
58	Hệ thống hòa đồng bộ	1,211,801,200	68,937,415	35,076,486	1,315,815,101
59	Hệ thống bảo vệ máy phát	1,211,801,200	68,937,415	35,076,486	1,315,815,101
60	Tủ điện một chiều	572,008,000	32,540,612	16,557,197	621,105,809
61	Hệ thống thanh cái	143,002,000	8,135,153	4,139,299	155,276,452
62	Hệ thống Máy cắt cao áp 6.3KV	1,286,860,360	73,207,409	37,249,129	1,397,316,899
63	Máy cắt chân không của máy phát	1,646,212,000	93,650,344	47,650,830	1,787,513,174
64	Tủ PT của máy phát với kích từ	1,130,504,000	64,312,548	32,723,278	1,227,539,827
65	Tủ trung tính của máy phát	349,060,000	19,857,460	10,103,801	379,021,261
66	TI, TU của máy phát	1,544,241,440	87,849,404	44,699,216	1,676,790,060
67	Cáp điện lực, cáp điều khiển, đầu cắm cáp, máng cáp điện	1,390,610,000	79,109,559	40,252,240	1,509,971,799
68	Bảo ôn	948,722,560	53,971,296	27,461,480	1,030,155,335
69	Hệ thống kiểm soát điều khiển hoạt động Turbin phát điện phát điện tự động DCS (SIEMENS / Trung Quốc S7-400)	3,162,461,080	179,907,308	91,539,786	3,433,908,174
70	Hệ thống cầu trục				
71	Máy lọc dầu cho tuabin	2,071,840,000	117,863,635	59,970,949	2,249,674,583
72	Máy bơm dầu tay	1,126,000,000	64,056,323	32,592,907	1,222,649,230
73	TRẠM BIẾN ÁP 110KV/6.3KV 110KV/6.3KV BOOSTER STATION	90,080,000	5,124,506	2,607,433	97,811,938
74	Thiết kế công nghệ	16,088,558,240	915,252,118	465,695,275	17,469,505,633
75	Dịch vụ kỹ thuật	112,600,000	6,405,632	3,259,291	122,264,923
II	Thiết bị tủ SCADA	112,600,000	6,405,632	3,259,291	122,264,923
1	Mua sắm, lắp đặt, thí nghiệm ghép nối Hệ thống thông tin SCADA Nhà máy nhiệt điện sinh khối Tuyên Quang với TT điều độ HTĐ Miền Bắc	1,159,840,000	65,981,426	33,572,431	1,259,393,857
III	Thiết bị tủ đo đếm công tơ				
1	Mua sắm, lắp đặt, thí nghiệm Hệ thống đo đếm phục vụ mua bán điện với Công ty Mua bán điện (EPTC)	1,159,840,000	65,981,426	33,572,431	1,259,393,857
		1,298,289,563	73,857,598	37,579,956	1,409,727,117
		1,298,289,563	73,857,598	37,579,956	1,409,727,117

TT	Tên hạng mục + công trình	Số tiền (trước thuế)	Chi phí quản lý, tư vấn, chi khác	Chi phí lãi vay	Giá trị ghi tăng tài sản
IV	Thiết bị bảo vệ đường truyền	2,827,396,045	160,845,999	81,841,080	3,070,083,124
	Cung cấp vật tư thiết bị, lắp đặt thí nghiệm hiệu chỉnh, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, lắp hồ sơ và thỏa thuận hệ thống Ro-le bảo vệ và tự động cho giải pháp phối hợp bảo vệ đường truyền Nhà máy điện sinh khối mía đường mía đường Tuyên Quang	2,827,396,045	160,845,999	81,841,080	3,070,083,124
V	Lắp đặt cáp nhệ thứ	150,232,968	8,546,511	4,348,605	163,128,084
	Lắp đặt cáp nhệ thứ và hướng dẫn vận hành thiết bị trạm	150,232,968	8,546,511	4,348,605	163,128,084
VI	Thiết bị truyền dữ liệu công tơ điện tử từ xa	178,636,182	10,162,324	5,170,757	193,969,263
	Xây dựng hệ thống đọc và truyền dữ liệu công tơ điện tử từ xa NMD SK mía đường Tuyên Quang	178,636,182	10,162,324	5,170,757	193,969,263
VI	Thiết bị PCCC	296,140,000	16,846,927	8,571,992	321,558,919
	Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy	296,140,000	16,846,927	8,571,992	321,558,919
C	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	300,000,000	17,066,516	8,683,723	325,750,239
1	Chống sét	100,000,000	5,688,839	2,894,574	108,583,413
2	Điện chiếu sáng	200,000,000	11,377,677	5,789,149	217,166,826
D	Thiết bị, dụng cụ quản lý	100,000,000	5,688,839	2,894,574	108,583,413
1	Máy lạnh phòng điều khiển	100,000,000	5,688,839	2,894,574	108,583,413
E	Đèn bù giải phóng mặt bằng	3,036,652,345			3,036,652,345
	TỔNG	341,913,514,527	19,278,157,892	9,809,042,621	371,000,715,040

Biểu số 03



BẢNG TỔNG HỢP THUẾ GTGT ĐÀU VÀO ĐƯỢC KHẤU TRỪ
DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY ĐIỆN SINH KHỐI MÍA ĐƯỜNG TUYẾN QUANG, CÔNG SUẤT 25MW

Số TT	Hợp đồng		Tên đơn vị cá nhân	Nội dung hợp đồng	Giá trị quyết toán		
	Số	Ngày			Giá trị trước thuế	Thuế	Tổng cộng
1	Số: 35/2016 /HD-ĐSD	15/3 /2015	Liên danh nhà thầu Tổng Công ty mía đường I – Công ty cổ phần Lisemco2	Tổng thầu (EPC) thiết kế và cung cấp dịch vụ kỹ thuật – mua sắm thiết bị và vật tư xây lắp công trình nhà máy phát điện sinh khối mía đường tuyến quang 25MW, TBA-trạm cắt cao thể	325,178,974,000	32,517,897,400	357,696,871,400
2	Số: 95/2016/HĐ-ĐSD	01/ 8/2016	Công ty cổ phần Tư vấn, xây dựng và thương mại – Itasco	Thi công đường dây dẫn, tư vấn đấu nối đường dây dẫn từ trạm 110kV đến hệ thống lưới điện Quốc gia	7,787,353,424	778,735,342	8,566,088,766
3	Số 120/2016/HĐ-XD	17/11 /2016	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Đông Phương	Thi công lắp đặt hệ thống PCCC	296,140,000	29,614,000	325,754,000
4	Số 1603/2016/HĐKT/S D-NEC	04/8/2016	Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng hệ thống điện Miền Bắc	Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, Đánh số thiết bị; Tính toán tham số chỉnh định rơ le; Tổ chức đào tạo bồi huấn chuyên đề điều độ hệ thống điện; Hỗ trợ các văn bản đăng ký đấu nối vào lưới điện 110KV với Trung tâm điều độ hệ thống điện miền Bắc, xây dựng Quy trình phối hợp vận hành và tính toán đánh giá ảnh hưởng Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyến Quang	3,025,186,369	302,518,637	3,327,705,006
5	Số: 1602-02/2016/SD-NEC	18 /8/2016	Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng hệ thống điện Miền Bắc	Cung cấp vật tư thiết bị, lắp đặt thí nghiệm hiệu chỉnh, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, lắp hồ sơ và thỏa thuận hệ thống Ro-le bảo vệ và tự động cho giải pháp phối hợp bảo vệ đường truyền Nhà máy điện sinh khối mía đường mía đường Tuyến Quang	2,827,396,045	282,739,605	3,110,135,650
6	Số 022/2017/HĐKT-ĐSD	02/02/2017	CT Thương mại tư vấn đầu tư phát triển năng lượng	Lắp đặt cáp nhĩ thứ và hướng dẫn vận hành Thiết bị trạm 110kv..	150,232,968	15,023,297	165,256,265

Số TT	Hợp đồng		Tên đơn vị cá nhân	Nội dung hợp đồng	Giá trị quyết toán		
	Số	Ngày			Giá trị trước thuế	Thuế	Tổng cộng
7	Số: 99/2016/HĐKT/ĐSD-ABICO	17/8/2016	Công ty Thương mại tư vấn và đầu tư An Bình (ABICO)	Mua sắm, lắp đặt, thí nghiệm ghép nối Hệ thống thông tin SCADA Nhà máy nhiệt điện Sinh Khôi Tuyên Quang với Trung tâm Điều độ HTĐ Miền Bắc	1,159,840,000	115,984,000	1,275,824,000
8	Số: 100/2016/HĐKT-ĐSD	17/8/2016	CT Thương mại tư vấn đầu tư phát triển năng lượng	Mua sắm, lắp đặt, thí nghiệm Hệ thống đo đếm phục vụ mua bán điện với Công ty Mua bán điện (EPTC)	1,298,289,563	129,828,956	1,428,118,519
9	Số YC012017/T&C-SD	01/03/2017	Công ty TNHH Tư vấn quản lý và chuyển đổi tổ chức	Xây dựng hệ thống đọc và truyền dữ liệu công tơ điện tử từ xa NMD SK mía đường Tuyên Quang	178,636,182	17,863,618	196,499,800
10	Số 02 /2016/sonduong-ceco	25/12/2015	Công ty CP thiết kế công nghiệp hóa chất CECO	Giám sát thi công xây dựng công trình	1,700,909,091	170,090,909	1,871,000,000
11	Số: 010516/HĐGD/FCCHN&SO SUCO	01/5/2016	Chi nhánh Công ty CP giám định và khử trùng FCC tại Hà Nội	Giám định vật tư thiết bị	222,727,273	17,818,182	240,545,455
12	Số:43/2014/HĐ-.-KH	11/03/2014	Viện năng lượng	Lập dự án đầu tư Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang	934,545,455	93,454,545	1,028,000,000
13	Số:30/2014/HĐ-DVTV	03/11/2014	Viện năng lượng	Lập phương án đầu nối vào lưới điện quốc gia	304,545,455	30,454,545	335,000,000
14	Số: 40/2014/HĐ-DVTV	03/11/2014	Viện năng lượng	Xin cấp phép phát điện thương mại	242,727,273	24,272,727	267,000,000
15	Số:41/2014/HĐ-DVTV	03/11/2014	Viện năng lượng	Lập đề án bổ sung quy hoạch phát triển điện tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2015 có xét đến năm 2020	322,727,273	32,272,727	355,000,000
16	Số:42/2014/HĐ-DVTV	03/11/2014	Viện năng lượng	Lập hồ sơ mua bán điện	257,272,727	25,727,273	283,000,000
17	Số:44/HĐ-DVTV	03/11/2014	Viện năng lượng	Hỗ trợ đạt chấp thuận khoản 3 điều 6 quyết định số 24/2014/QĐ-TTg ngày 24/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ	315,454,545	31,545,455	347,000,000
18	Số 27/TT-KHKD	11/6/2015	Công ty CP thiết kế công nghiệp hóa chất CECO	Thẩm tra dự án đầu tư xây dựng	77,272,727	7,727,273	85,000,000
19	Số 10-2015/SONSUCO-TAMSON	10/07/2015	Công ty CP thiết bị công nghệ hóa chất Tam Sơn	Lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu các hạng mục xây dựng và thiết bị	182,250,000	18,225,000	200,475,000

Số TT	Hợp đồng		Tên đơn vị cá nhân	Nội dung hợp đồng	Giá trị quyết toán		
	Số	Ngày			Giá trị trước thuế	Thuế	Tổng cộng
20	Số: 72/2016/SD-ĐA	05/12/2016	Công ty CP tư vấn Điện và xây dựng Đông Á	Tư vấn lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công đường dây điện 110KV đấu nối nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang	734,000,000	73,400,000	807,400,000
21	Số 38/HĐ-TVQH	31/8/2015	Trung tâm quy hoạch xây dựng, sở Xây dựng Tuyên Quang	Lập bản đồ quy hoạch mặt bằng nhà máy mở rộng	59,172,727	5,917,273	65,090,000
22	Số 23/2015/HĐKT	30/7/2015	Trung tâm quan trắc và bảo vệ môi trường	Lập BC đánh giá tác động môi trường	129,027,273	12,902,727	141,930,000
23	Số 54/2016/HĐ-TTPTQĐ	20/06/2016	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tuyên Quang	Thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng công trình: Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang			21,452,000
24	Số 90/2016/HĐ-TTPTQĐ	26/09/2016	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tuyên Quang	Thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng công trình: Đường dây 110kV			40,000,000
25	Số 01/HĐ-ĐĐBĐ	02/02/2016	Trung tâm đo đạc bản đồ và Quy hoạch đất đai	Đo đạc lập bản trích đo địa chính để quy hoạch mở rộng và thu hồi đất xây dựng nhà máy đường Tuyên Quang			10,540,747
26	Số 04/HĐ-ĐĐBĐ	02/02/2016	Trung tâm kỹ thuật TN và Môi trường	Đo đạc lập bản trích đo địa chính để thu hồi đất xây dựng đường dây 110kV			7,507,722
27			Công ty TNHH Kiểm toán VACO	Kiểm toán quyết toán dự án	409,090,909	40,909,091	450,000,000
28	15174573		Công ty bảo hiểm BIDV Vĩnh Phúc	Bảo hiểm công trình	489,706,161	48,970,616	538,676,777
			Tổng		348,283,477,439	34,823,893,199	383,186,871,107



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG**
Số QUÂN: ĐSD-ĐHĐCĐ
(Đ. THẢO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Dương, ngày tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020 số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản ngày /6/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo số 41 /BC-ĐSD-HĐQT ngày 06 / 06 /2025 của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2024 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- | | |
|--------------------------------------|-------------------------------|
| 1. Doanh thu | : 249.483 triệu đồng |
| 2. Lợi nhuận trước thuế | : - 58.103 triệu đồng |
| 3. Cổ tức | : 0% |
| 4. Thu nhập bình quân người lao động | : 6.524.000 đồng/người/tháng. |

Điều 2. Thông qua báo cáo số 42 /BC-ĐSD-HĐQT ngày 06 / 06 /2025 của Hội đồng quản trị về báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại thời điểm 01/01/2024	Tại thời điểm 31/12/2024
I	Tổng tài sản	Đồng	630.542.831.787	639.212.676.835
1	Tài sản ngắn hạn	Đồng	89.189.442.441	157.332.217.963
2	Tài sản dài hạn	Đồng	541.353.389.364	481.880.458.872
II	Tổng nguồn vốn	Đồng	630.542.831.787	639.212.676.835
1	Nợ phải trả	Đồng	808.463.456.241	875.236.220.783
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	(177.920.624.454)	(236.023.543.948)

Điều 3. Thông qua báo cáo số 43 /BC-ĐSD-BKS ngày 06 /06/2025 của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2025.

Điều 4. Thông qua tờ trình số 46 /TTr-ĐSD-HĐQT ngày 06 /06 /2025 của Hội đồng quản trị về phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ	128.449.740.000
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2024	(58.102.919.494)
3	Thuế TNDN năm 2024	0
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2024	(58.102.919.494)
5	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2024	0

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
6	Lợi nhuận còn lại của các năm trước chuyển sang	(423.160.406.254)
7	Lợi nhuận chia cổ tức năm 2024	0
8	Tổng lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2025	(481.263.325.748)

Điều 5. Thông qua kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 tại báo cáo số /BC-ĐSD-HĐQT ngày 6/ 6 /2025 và tờ trình số 47 /TTr-ĐSD-HĐQT ngày 06 / 06 /2025; Và kế hoạch tài chính năm 2025 tại báo cáo số /BC-ĐSD-HĐQT ngày 06 / 6 /2025 của Hội đồng quản với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
1	Sản xuất nông nghiệp				
-	Diện tích	Ha	2.213	2.650	
-	Năng suất (cả mía giống)	Tấn/ha	61,29	61,10	
-	Sản lượng mía sạch	Tấn	126.213	148.817	
2	Chế biến công nghiệp				
2.1	Giá trị SXCN	Triệu đồng	281.802	339.301	
2.2	Sản lượng sản xuất				
-	Đường	Tấn	12.217	16.500	
-	Mật rỉ	Tấn	4.831	5.655	
-	Phân bón	Tấn	7.193	7.500	
-	Điện phát lên lưới	1.000 kW	11.832	19.440	
3	Kết quả kinh doanh				
-	Tổng doanh thu	Triệu đồng	249.483	371.502	
-	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(58.103)	(33.099)	
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	11.977	20.306	
5	Cổ tức	%	0	0	
6	Thu nhập BQ LĐ	Đồng/ng/th	6.524.000	6.700.000	

2. Kế hoạch tài chính năm 2025

- 2.1. Dư tiền đầu kỳ : 18.076.116.000 đồng
2.2. Thu trong kỳ : 351.853.343.000 đồng
2.3. Chi trong kỳ : 369.638.315.000 đồng
2.4. Dư tiền cuối kỳ : 291.144.000 đồng

Điều 6. Thông qua tờ trình số 48 /TTr-ĐSD-HĐQT ngày 6 /6/2025 của Hội đồng quản trị về mức thù lao và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 như sau:

1. Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương năm 2025 như sau:

1.1. Hội đồng quản trị

- Chủ tịch : 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên : 3.500.000 đồng/người/tháng.

1.2. Ban kiểm soát

- Trưởng ban : 3.500.000 đồng/tháng.
- Thành viên : 1.750.000 đồng/người/tháng.

2. Từ ngày 01/01/2026 đến ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty, nếu chưa có quy định mới thì tạm thực hiện theo mức thù lao năm 2025.

3. Mức kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 tối đa là 0,25% doanh thu thuần.

Điều 7. Thông qua tờ trình số 49 /TTr-ĐSD-HĐQT ngày 06/ 06/2025 của Hội đồng quản trị về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2025 của Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương là một trong các Công ty có trong danh sách được phép kiểm toán Công ty đại chúng, Công ty niêm yết.

Điều 8. Thống nhất phê duyệt quyết toán Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang công suất 25MW theo tờ trình số 50/TTr-ĐSD-HĐQT ngày 06/ 06 /2025 của Hội đồng quản trị . Giao cho Hội đồng quản trị tổ chức công tác hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu còn thiếu và hoàn thành công tác kiểm toán, điều chỉnh giá trị quyết toán theo báo cáo kiểm toán - xong trong quý III/2025. Báo cáo ĐHCĐ kết quả tại đại hội gần nhất.

Điều 9. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương thông qua và có hiệu lực kể từ ngày / /2025. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các quyết nghị trong Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- Như điều 9;
- Niêm yết tại Công ty;
- Đăng tải trên website của Công ty;
- Lưu VT.

Nguyễn Văn Hội